

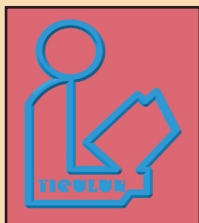
KINH ĐÌNH



THỜI ĐIỂM
1997

THÁI BÌNH MINH TRIẾT

KIM ĐỊNH



MỤC LỤC

TỰA

I. Địa vị phụ nữ trong Việt Nho

II. Nguyên Lý Mẹ

III. Dưới Bóng Mẹ

IV. Ôi Linh Mẫu hãy đưa con về cùng

V. Về thăm quê Mẹ

VI. U linh đất Mẹ

VII. Từ thời trực phụ hệ trở về thời trực mẫu hệ

VIII. Ba đợt trực

IX. Những huyền số của thời lập đức lập công

X. Trở về tô thăm quê mẹ

Kết : Hội Các Mẹ Đạo Thất

TỰA

Quyển đầu nói cách riêng về mẫu số chung hơn hết cho văn hóa loài người, đó là Mẹ, là nguyên lý Mẹ mà hai ông Bachofen và Briffault cho là đang thiếu vắng cách trầm trọng trong văn minh ngày nay. Nếu hiểu Mẹ là tình yêu thương thì câu nói tỏ ra đúng hết sức, đã thế lại thêm công trạng làm cho cụ thể thêm, nên đáng được tiếp nối cách nghiêm túc. Vì vậy quyển «Thái Bình Minh Triết» này có thể gọi là bản ca vịnh Minh Triết dưới tên MẸ. Đây là một việc mới lạ về lối nói chữ về thực chất thì ngay từ buổi sơ nguyên huyền sử thì Mẹ đã được đồng hóa với Minh Triết và mang tên các Nữ Thần như Sophia, Athena, Demeter... Còn Việt nho thì gọi là Nữ Oa, u Cơ, Nữ Thần Mộc. Còn nguyên lý Mẹ thì gọi là Khôn (đối với Cha Kiền hay Càn). Chính nền khôn ngoan Minh Triết đã mở đầu trình sử muôn dân với những trang huyền sử u linh man mác và đã từng để lại nhiều ấn tích như mẫu hệ, mẫu cư, mẫu quyền, hoặc các thần nữ, thần trăng... Khi con người bước vào thời văn minh với lịch sử, với binh bị, với luật pháp với vương quyền, mà xã hội học gọi là thời Phụ Hệ thì bắt đầu nghiêng mạnh sang bên mưu trí, ngược với mẫu hệ nổi về tâm tình, về nhân ái, Việt nho quen nói là «mẹ non nhân, cha nước trí». Đó là thế quân bình siêu lý tiên bồng, và chỉ giữ được khi đặt «non nhân

trên nước trí». Nhưng Phụ Hệ đã đặt «nước trí trên non nhân», nên «non nhân» bị ngạt, nhiều nơi bị tắt thở trọn cùng với nguyên lý thân tộc nhân trị, nhường chỗ cho các xã hội lý với đường lối thống trị chuyên chính ngày càng chồng chất nô lệ, chiến tranh, bạo tàn. Năm 1851 ông Bachofen khám phá thấy văn minh nay thiếu nguyên lý Mẹ. Quyền này muốn góp công vào việc lập lại nguyên lý Mẹ bằng cách quang phục nguyên Nho, cũng gọi là Việt nho. Đây là một thứ đạo còn tàng chứa đầy nguyên lý Mẹ, chỉ việc khai quật tận nền thì sẽ gặp được nền nguyên Nho Minh Triết đầy khả năng đáp ứng mọi nhu yếu thâm sâu của con người. Nền Minh Triết uyên nguyên nọ được Nho gọi ít bằng tên thần nữ mà phần nhiều bằng tên các tổ mẫu của dòng tộc như Nữ Oa, u cơ, Vụ tiên... toàn những vị đã làm nên những việc có tầm vóc vũ trụ, như Tổ Mẫu u cơ đẻ cái bọc trứng vũ trụ, Nữ Oa thái mẫu thì vá trời, tát bể, mẹ Hi Hòa tắm cho con mặt nhật rồi Mẹ đem phơi trên cây giâu... Đó là một vũ trụ quan tràn đầy hoạt lực cao sang chất ngát, mà đồng thời vẫn rất thiết thực và thâm tình. Đó là dấu của Minh Triết là khả năng nối kết hai thái cực lại với nhau. Để điều chỉnh nền văn minh thời mới quá thiếu tình yêu, thiết nghĩ cần một vũ trụ quan đầy yêu thương chí thiết như vậy. Chính vì thế mà chúng tôi hay chỉ Minh Triết bằng vài ba tiếng chất ngát yêu

7 | Thái Bình Minh Triết

thương, mệnh mông như biển cả Thái Bình : Mẹ. Nguyên lý Mẹ. Thái Bình Minh Triết. CHÚ THÍCH : 1. Có một vài điều liên quan tới mối liên hệ cải tổ giữa Tàu với Việt thiết nghĩ cần được bộc bạch để tránh những ngộ nhận có thể xảy ra. Điều trước hết là trong sách này vai trò Việt coi như quan trọng hơn Tàu thí dụ hay dùng chữ Việt nho hơn Hán nho, thì cái đó có đây nhưng hoàn toàn không hề vì coi nhẹ hay chối bỏ những gì tốt đẹp giữa hai nước, nhưng vì mối liên hệ mới đặt nặng trên văn hóa của đại tộc, thì vai chủ động không còn thể nằm trong tay người Tàu nhiều như trước bởi dù đúng hay sai thì người Đông nam Á đã quen coi người Tàu như đế quốc chinh phục nên trong việc mưu tính phục hưng Đạo lý chung toan miền thì không tiện cho người Tàu đứng đầu cách công khai, mà phải chuyển sang Thái Bình dương, trong thực tế phải là một nước khác, bất kỳ nước nào cũng được và nước này không hề được coi mình là chủ chi cả, mà chỉ như là người đưa thư, một thứ điều hợp viên mà thôi, nhưng là tình nguyện vì chưa có thể chế chi cả. Chính trong chiều hướng như thế mà mà một số người Việt nam dám đứng ra thử làm, trước hết chỉ nghĩ đến cứu vãn nền văn hóa cổ, sau là may ra có thể cứu vớt một số trẻ em không thân nhân nên không được chính quyền thu nhận, cuối cùng nhìn ra khả thể lớn lao về phía đại chủng, nên mới nghĩ đến

việc thiết lập «Đạo trường chung cho Đông Á», rồi đạo «Thất Thất», rồi cầu cứu mở rộng, mỗi ngày mỗi rộng, như xem trong dự án Đạo Thất. nhưng l’homme propose, Dieu dispose. Với DNA thì Dieu=Dân, vạn đại chi dân.

I. Địa Vị Phụ Nữ Trong Việt Nho

1.

Nhiều người cho rằng địa vị phụ nữ Việt quá thấp, có thể ví với con trâu cày. Câu đó sai nhiều đúng ít.

Đúng ít ở hai điểm : một là Hán Nho đã hạ đàn bà quá đáng gây nên cảnh chồng chúa vợ tôi. Đây là điều ngược với nguyên Nho vốn coi âm dương quan trọng như nhau. Hai là do thói tục cổ thời cũng như kinh tế thấp kém thừa xưa thì nhiều việc nặng nhọc cũng đến lượt đàn bà phải gánh vác : đâu đâu cũng vậy chứ không riêng gì xã hội Việt Nho.

Còn sai nhiều là khi ta so sánh với địa vị phụ nữ các nơi, cũng như trải qua các đời kim cổ sẽ thấy địa vị phụ nữ bên Việt còn khả trợ hơn rất nhiều. Đó là điều ít được nhận ra vì thường người ta quen xét đoán theo thời mới là thời đã được kỹ nghệ làm cho Âu tây trỗi vượt Á châu và các châu khác, chứ còn ở thế kỷ thứ 17 khi u Á mới gặp nhau thì Á châu có một số điểm trội hơn, trong đó có nhiều tục lệ nơi cổ Việt dành cho phụ nữ địa vị cao hơn, như nhiều nơi vẫn còn truyền đến tận

nay là bà đồng tế với ông, nếu không phải là một mình bà chủ tế.

2.

Bên ta tuy có thói trọng nam khinh nữ nhưng đó không phải do Việt Nho mà do Hán Nho, và dầu sao cũng không có những tục lệ quá khinh nữ kiểu Do Thái sinh con gái không thấp nén, mẹ phải tẩy rửa hai lần(1) hay đàn bà không được trang điểm son phấn, không được đeo ngọc ngà và phải đội mũ để tỏ dấu suy phục(2). Lại còn những tục lệ và cả luật pháp coi đàn bà như nô lệ, kể cả luật Manu bên Ấn độ đã có lúc ca ngợi người mẹ hết cỡ, nhưng nói chung vẫn khinh dể đàn bà, coi là vật hèn bị kìm kẹp trong bậc nô lệ, không cho đọc sách thánh, không được vào nhà thờ vv... Luật Leviticus ví đàn bà với những con vật của đàn ông nuôi để mang vác đồ nặng (Leviticus likens her to the beasts of burden owned by the patriarch). Luật Solon (Hi Lạp) không dành cho phụ nữ quyền hành nào hết. Luật Roma đặt đàn bà dưới quyền người quản thúc, vì cho là ngu dốt. Luật Coran coi đàn bà đầy khinh rẻ (second sex. p.90). Có những tác giả tây phương cổ thời gọi đàn bà là cồng rãnh đô thành» hoặc» trong những con thú vật thì không giống nào đáng hờn bằng đàn bà (second

sex p. 110). Còn vô số câu nói và luật lệ khinh rẻ và hạ nhục đàn bà khiến ngày nay khi đọc đến ta thấy không ngờ trong những xứ văn minh đàn bà đã bị đàn áp khinh khi đến thế và lúc ấy mới nhận ra địa vị phụ nữ trong xã hội Việt Nho thực là cao cả.

3.

Nhiều người trách cứ Nho về chữ «tam tông» (còn nhỏ theo cha, kết bạn theo chồng, chồng chết theo con). Nhưng có biết đâu rằng nhiều nơi không nhưng tam tông, mà còn tứ tông tức thêm người quản thúc.

Riêng việc tam tông nên nhớ đến nội dung xem nó có chứa đựng cái gì khác hơn là suy phục chăng ?. Trước hết đối với theo cha thì không có vấn đề : con theo cha là thường tình, gái hay trai cũng thế : không có cha đẻ mà theo mới coi cút khôn khổ. Thứ đến là theo con thì hãy xét xem mẹ theo con phải chịu thiệt những gì? Thừa không phải thiệt gì hết mà trái lại là để được phụng dưỡng giữa sự quần quít của con cháu cách kính trong yêu thương, chẳng sướng hơn là vào nhà dưỡng lão tò vò một mình cô đơn hiu quạnh hay sao. Hãy nhớ lại những truyện Từ Hi thái Hậu nắm chính quyền, hay khi vua Tự Đức đi săn về muộn bị mẹ là bà Từ mẫu lập

nghiêm không nói với, liền tự ý đi lấy roi để trước mặt mẹ rồi nằm xuống xin mẹ sửa trị. Tuy đó là biệt lệ hãn hữu, nhưng nó nói lên quyền các bà khi theo con lớn kinh khủng khó đâu bằng, vì chữ hiếu được nhấn mạnh rất nhiều bên Đông Á nên nói được địa vị các bà khi theo con là sướng nhất.

4.

Chỉ còn việc theo chồng thì chịu rằng có sự chênh lệch bất công như chồng được rầy vợ mà vợ không được rầy chồng, tức vợ bị khép vào khuôn khổ mà chồng thì mặc sức tự do, nhưng nên nhớ rằng đó là hiện tượng xảy ra hầu khắp nơi, đến nỗi người ta có lý để tố cáo các luật lệ làm cho mối liên hệ bất công. So sánh sẽ thấy bên Việt nhiều công bằng hơn, thí dụ trong lễ cưới có lễ phu thê giao bái = hai bên bái nhau chứ không có lệ riêng vợ bái chồng, xa biệt bao với tục lệ bên Nga ngày cưới bố cầm roi đánh nhẹ con gái rồi trao roi cho chàng rể, hàm ý trao quyền chồng làm chúa, coi vợ là mọi tôi (4). Nơi cổ Việt không dùng cả đến chữ phụ (trong phu phụ) mà ưa dùng chữ thê (trong phu thê). Chữ phụ nói lên sự tùy tùng, lệ thuộc không có trong phu thê là ngang hàng: «thê giả tề dã». Trong quyển *Au pays d'Annam, les dieux qui meurent*, nơi trang 66 ông Paul Verret nhận

xét phong tục và luật lệ Việt nam đặt vợ ngang hàng với chồng : «le code vietnamien place l'épouse sur le même rang que le mari».

5.

Thứ đến đây không nói quyền lợi mà chỉ phân công «nam ngoại nữ nội», hàm nghĩa bà là chủ nhà gọi là «nội tướng», chính bà giữ cửa. Ai gọi vợ là «nội trợ» là tầm bậy theo kiểu Hán Nho rồi. Hán nho phần nào theo du mục coi vợ như tài sản của chồng, nên chồng chết muốn vợ thủ tiết thờ chồng. Nói phần nào vì thủ tiết được đề cao chứ không thành định chế bó buộc, phương chi không đời nào có vụ sutee như bên Ấn độ bắt vợ phải lên giàn hoả chết theo chồng hay ít ra bị coi như tội mọi như bên xã hội cổ Hy Lạp;, nơi mà trừ ít biệt lệ còn đàn bà không hơn nô lệ bao nhiêu (5). Nhiều nước bên tây lúc trước các bà góa không được làm chủ tài sản. Đàn bà bên Anh mới được giữ tài sản từ năm 1882. Bên Việt nam, tài sản vợ là của chồng, tài sản chồng là của vợ mãi từ xa xưa. Lại còn về tên : đàn bà Việt lấy chồng rồi cũng cứ giữ tên cũ trong giấy tờ. Đó là điều không có ở nhiều nơi.

6.

Ngoài lệ «phu thê giao báii» còn có vụ»đồng tể»trước bàn thờ gia tiên : bắt buộc phải có sự hiện diện của bà thì lễ mới thành, đến nỗi nếu bà qua đời lúc ông chưa tới 70 tuổi thì bó buộc ông phải lấy vợ khác để có người đồng tể.

Tóm lại địa vị phụ nữ Việt Nam nói chung tuy vẫn còn có những điều phải cải tiến y như các phụ nữ trên khắp hoàn cầu, nhưng khi đối chiếu với các nơi và xét theo luật lệ thì địa vị phụ nữ Việt nam phải nói là cao nếu không nhất thì cũng vào hạng nhất. Ta sẽ thấy điều ấy rõ hơn nữa khi bàn đến tầng triết lý ở triệt sau.

CHÚ GIẢI :

1. The pleasure of philosophy by Will Durant p 130

2. The story of civilisation vol.I.p. 55

3. The second sex by Simone de Beauvoir p.104
(Vintage book 1974)

4. The story of civil.II p.596

5. Xem cả quyển Second sex mới rõ có quá nhiều bất công với phụ nữ hơn bên ta rất nhiều.

II. NGUYÊN LÝ MẸ

7.

Nói đến nguyên lý Mẹ là nói đến đợt sâu xa nhất của văn hóa quen được mệnh danh là triết lý siêu hình. Triết Việt đã tóm siêu hình vào ba loại chân lý nền tảng hơn hết rồi chỉ thị bằng các số 2, 3, 5.

* Số 2 chỉ sự Thái Hòa giữa Hữu với Vô, giữa động với tĩnh, giữa nhất với đa, giữa tình với lý, giữa Mẹ với Cha... nghĩa là giữa những trái ngược như nước với lửa thể mà Hoà hợp được nên gọi là Thái Hòa.

* Số 3 Nhân Chủ đưa con người lên đến chỗ cùng cực có thể đó là tự do, tự lực, tự cường cho tới mức vũ trụ : ngang cùng Trời, Đất.

* Số 5 Tâm Linh lấy chính tâm mình làm nơi tối cao hầu quy hướng về để tìm điểm móc nối với toàn thể vũ trụ. Như vậy là không thể ước mong đạt gì hơn được nữa. Không thể tiến xa thêm. Tóm lại với những chân lý chỉ thị bằng các số 2,3,5 đã là đi đến cùng cực. Vậy mà ta sẽ thấy Mẹ đã xuất hiện trong cả ba số đó mà còn ở thể thượng phong, thì ta biết có đủ chứng để quả quyết rằng : triết Việt có đầy đủ Nguyên lý Mẹ. Ta sẽ lần lượt

chứng minh như sau.

8.

Trước hết là số 2 với biểu hiệu (thái cực viên đồ) thì m xuất hiện bên trái và ở trên, tức là âm trước dương, vợ trước chồng, Mẹ trước cha. Kém một bậc là thứ tự dương âm : đặt dương trước âm, càn trước khôn, phu trên phụ thì liệu mình mất Mẹ. Còn khi đi vào duy nào dù duy âm hay duy dương đều mất nguyên lý Mẹ. Việt đã giữ được thứ tự âm dương hơn Tàu khi nói vợ chồng, nhà nước, vài ba, chẵn lẻ... tức đặt âm trước dương, khôn trước càn. Tàu nói Càn Khôn, phu phụ, quốc gia, tham lưỡng, cơ ngẫu... tức đặt dương trước âm, tuy cũng còn giữ được nguyên lý Mẹ, nhưng đã kém đi nhiều, nên quen gọi là Hán nho, tức là nho đã bị bẻ quặt. Tuy nhiên còn khá hơn những nền văn hóa không còn số 2, đã trở nên cố định một chiều duy âm hay duy dương như sẽ thấy sau. Khi ta nói vợ chồng, vài ba, nhà nước, thì không phải là thói quen suông, mà chính là hậu quả do một nguyên lý có nền móng siêu hình hẵn hoi; chứng có là thứ tự đó đã được tôn trọng và quảng diễn ra nhiều hình thái khác nhau như tam tài (số 3) ngũ hành (số 5) hay Việt tinh cương (số 9)

9.

Hãy trở lại với hình «thái cực viên đồ đơn» và ta thấy âm trên. Hình này thường thấy đặt lung tung do sự mất ý thức hay do Hán Nho nhưng khởi đầu thí âm phải đi trước, ở bên tả. Có vậy mới ra quẻ Thái * h3.* để đạt sự hanh thông, còn nếu đặt ngược lại Càn trên Khôn thì ra quẻ Bĩ *h4* không ra người nữa, như câu Kinh Dịch nói «Bĩ chi phi nhơn». Với câu đó ta thấy Kinh Dịch quan trọng hóa thứ tự âm dương biết bao, đến độ nói đặt dương trước âm thì không ra người, tức không còn là Nhân Chủ nữa, mà đã ra Vật Chủ tức nghiêng sang bên vật chất, thế gọi là trực vật.

Thứ đến có đặt âm trước dương mới giữ được cổ tục Việt trọng bên tả gọi là «tả nhậm», tức âm đặt bên tả như được biểu lộ rõ nhất trong hình Nữ Oa Phục Hy. * h5*

Nữ Oa bên tả, Phục Hi bên hữu, do đó ta có tục «nữ tả phòng, nam hữu phòng». Về sau Tàu đổi thứ tự thành «nam tả nữ hữu» theo thứ tự «Càn khôn» cho con trai sang bên tả như ta quen nghe nói «Đông cung thái tử». Đó là dấu dương lần át âm để dành chỗ tốt.

* Số 2 còn được quan trọng đặc biệt khi được dùng làm nền tảng cho Kinh Dịch, là quyền Kinh cốt cán

của Việt đạo, nhưng vì Dịch có 5 giai đoạn hình thành, mà hai giai đoạn sau là của Tàu, nên đặt ngược thứ tự dương trước âm. Nhưng vì chữ âm dương đã quá quen trong dân chúng rồi không tiện đổi lại, nên đổi Khôn Càn ra Càn Khôn. Nói càn khôn là đặt cha trước mẹ để lần át thứ tự của Việt tộc là Khôn Càn, như còn giữ được ở nước Tống mà Khổng tử đã có lần được nghe (Liki. VI,6) *6

(Chú thích *6) Thứ tự âm dương hay vài ba nói lên chủ quyền đầu trước hết về quyền Kinh Dịch là Việt tộc. Tàu đến sau và làm khác đi bằng đặt càn trước khôn, tham trước lưỡng. Ngũ hành cũng vậy, thứ tự bình dân (tức Việt tộc) nói «kim mộc thủy hỏa thổ». Đó là nét ngang trước [kim-mộc], nét dọc [thủy- hỏa] sau, tức đặt âm trước dương : nét ngang là âm, nét dọc là dương. Còn Hán Nho thì dọc trước ngang sau, với thứ tự trong Kinh Thư là : «thủy hỏa mộc kim Thổ».

10.

Số 3 là Tam Tài : Trời, Đất, Người, hay là Thiên hoàng, Địa hoàng, Nhân hoàng. Nhân hoàng cũng gọi là Oa hoàng. Huyền thoại quy cho Bà công lập ra phép linh phối, tức nối trời cùng đất. Thứ tự bộ ba này được

chiếu giải vào ba đầu rau, trong đó có hai ông một bà. Theo luật «quả vi quân, chúng vi dân» (ít làm vua, nhiều làm dân) thì bà làm chủ bộ ba, cho nên số ba cũng là số của các thần nữ, như nữ thần Mộc (hành mộc số 3). Ở số ba ta thấy Hán Nho đưa ra Hoàng đế chiếm chỗ của Oa ho 79ang, thành ra bộ Tam hoàng mới là Phục Hi, Hoàng đế, Thần Nông : đẩy Nữ Oa ra ngoài không còn ai cầm Cái Qui tức là đánh mất Minh Triết, vì Nữ Oa chỉ nên Minh Triết hay Nguyên lý Mẹ cũng thế. Tuy nhiên chưa đến nỗi đục rửa như các bộ ba duy thần của nhiều văn hóa khác thí dụ của Aryen bên Ấn độ với ba thần : lửa, sét, nhật (Agy, Indra, Surya. Bộ ba của Ai cập : Shamar=nhật, Namar=trăng, Bel=đất.

11.

Số 5 : Ngũ hành thì Hành Thổ cũng là nữ. Do đó Thổ thần là thần nữ. Điều đó còn biểu lộ trong vụ bà nữ Oa cầm cái Qui + (số 5 xưa viết là +) dùng để vẽ hình tròn, ngược với cái Củ vuông trong tay Phục Hi. Ta quen nghe nói «Mẹ tròn con vuông» là ngầm đề cao mẹ trên cha. Ông Phục Hi cầm cái Củ là âm trên dương. Huyền thoại cũng theo ý đó khi quy cho bà Nữ Oa công dựng nên người tức sự giáo dục con là do Mẹ hơn cha. Mẹ khởi đầu dạy con từ lúc mang thai gọi là thai giáo, do

đó gọi là 179 «mẹ tròn ôm lấy con vuông». Nói bằng số thì là 5 ôm 4 thành ra số 9. Nữ thần Mộc cũng có tên là «Cửu thiên huyền Nữ». Chữ huyền đây hiểu là huyền diệu, là ăn thông với Vô cùng.

Đến đây ta phải nói tới lâu đài rực rỡ cuối cùng là «Việt tinh cương». Theo nghĩa thường thì Việt tinh là giềng của Việt tộc chỉ thị nền Minh TRIết vô cùng, mức không bao giờ cạn. Phương ngôn nói : «bằng cái sàng ba làng ăn không hết». Câu ấy cùng nghĩa với Hành Thổ có tính chất vô biên. Việt tinh cương phát xuất từ khung chữ Tinh #, rồi sau thêm 4 ô ở 4 góc thành ra Cửu Lạc như hình *7*. Sau Cửu Lạc được Nho công thức hóa thành «Hồng Phạm Cửu Trù», rồi lại biến ra «Thái Thất» để chỉ bản Tính con Người. Vì thế khi hiện thực được Tính thể con người Đại Ngã tâm linh thì gọi là «nhập ư thất»= vào được Thái Thất.

Thái Thất có ba tầng chỉ trời, đất, người.

12.

Muốn hiểu hai chữ Thái Thất thì nên đối chiếu với chữ gia. Gia chỉ con trai. Thất chỉ con gái. Gia kép bởi bộ miên và thi. Thất kép bởi miên, công và thổ. Miên

21 | Thái Bình Minh Triết

là mái nhà chỉ trời, Công (công biến thể) chỉ tác động nên cũng chỉ con người được định nghĩa là tài, là tác, là tác viên. Còn Thổ là đất. Thế là ngay chữ Thất đã hàm tàng 3 yếu tố lớn lao hơn hết làm nên con người (nhân giả kỳ thiên địa chi đức). Vì thế Thái Thất chỉ bản Tính con người. *hình Thái Thất *8*

Nhiều người trách Nho hạ đàn bà quá xá như viết chữ gian với ba chữ nữ. Đó có thể là Hán nho. Dầu sao đó là ba cái lẽ tẻ xá chi : cần nói tới nền tảng thì chính đàn ông mới bị. Ai đòi đàn ông được có chữ miên với thi là heo ! Oan quá phải không các cụ ? Ấy là chưa kể tới bộ kỳ chỉ linh thiêng thì cũng âm (số 2) ở trên, dương (số 3) ở dưới. Vì thế khi viết chữ diệu (huyền) thì dùng bộ nữ chứ nam có được dự phần đâu.

Tóm lại khi xem bao trùm cả ba số nền tảng 2, 3, 5 thì thấy cả là một bản chói chang về Nguyên lý Mẹ, vì ở cả ba số Mẹ đều ở thế thượng phong. Số 2 thì âm đi trước (ladies first). Số 3 thì Mẹ làm vua ở giữa hai ông đóng vai dân. Số 5 thì Mẹ bao quát hết (Mẹ tròn con vuông) để làm nội tướng cũng gọi là Thái Thất, đẩy ông ra ngoài cầm cái củ vuông 4 góc bé nhỏ gọi là cá (4 số chỉ cái củ của ông).

13.

Bây giờ kiểm soát xem việc làm của Mẹ có được như địa vị tiên thiên vừa kể chẳng ? Trước hết ta thấy Nữ Oa thái mẫu đội đá vá trời. Bà Hi Hoà tắm cho mặt nhật.

Toàn những việc có tầm kích vũ trụ. Mẹ u Cơ đưa 50 con lên núi lập ra nước Văn lang. Việc lập nước là công của Mẹ. Sau này cứu quốc thì công đầu cũng là Trung nữ vương với bà Triệu, chứ các ông mãi cả nhiều trăm năm sau mới lò dò bò ra. Câu nói : Mẹ u Cơ đem 50 con lên núi thì phải hiểu nguyên lý Mẹ dẫn đoàn con đến chỗ triệt cùng triệt để, tức là dẫn đến chỗ Minh Triết, nói kiểu siêu hình là đến chỗ phân cực triệt thượng, đề đối với Lạc long quân»triệt hạ» ở đáy bể, tức đều là những việc lớn lao có tầm vóc vũ hoàn. So với bà Pandore tò mò mở hộp cho tai ương tràn ra trên mặt đất thì ta thấy rõ văn hóa tây âu bóp chết nguyên lý Mẹ khi đổ lên đầu các bà hết mọi tội lỗi, và thế là nguyên lý Mẹ bị gãy ra khỏi văn hóa. Người ta quen gọi đó là tật ghét đàn bà = misogyni = hatred of women. Tật này lan tràn trong triết tây, có thể tóm vào câu nói sau» mọi tội lỗi trong thế gian này là do đàn bà». Câu đó được nói ra do rất nhiều người, vì ngày xưa người ta tin như thế, mãi tới nay mới nhận ra rằng niềm tin đó là bởi các đực rửa đưa ra do hậu quả của nền triết học duy lý, thiếu tình

người (tình Mẹ, lý Cha). Thái độ đó được chiếu giải vào huyền thoại Hy Lạp kể về nữ thần Hera bị chồng là thần Zeus treo lên mà đánh.

14.

Ta hãy soát lại ba số 2,3,5 lần cuối cùng :

Số 2 Thái Hoà vắng bóng trong văn hóa duy lý, nơi chỉ có nguyên lý đồng nhất = một là một, không thể có một mà hai, hai mà một kiểu lưỡng hợp (dual-unit). Chỉ có một tuyệt đối chiếu giải vào chữ vạn + chứ không có chữ Viên (như trong Tản Viên) tản ra hai ngả âm dương: bên Vô bên Hữu như có hàm tàng trong bộ số Quy Thụ. (sẽ nói sau)

Số 3 Nhân Chủ thì đã bị gãy ra ngoài bằng nguyên lý Triệt Tam=tiers exclu= middle excluded, và bằng đề cao bên hữu, còn bên chiêu gọi là tay trái. Trời ơi đã làm gì mà bảo là trái. Đó là triết lý sức mạnh» the right of the might»= nó phải vì nó mạnh, còn yếu thì trái. Đó là lý luận của duy vật : bắt được quả tang là đã đặt dương trên âm, khiến văn hóa nay lâm vào ngõ bí. Kinh Dịch bảo : «Bĩ chi phi nhân»=không còn ra người nữa.

Số 5 Tâm Linh cũng không có mà chỉ có tứ tổ tức một chiều : vuông bốn góc bánh chưng, làm nền cho cá nhân chủ nghĩa (cá ở bốn góc Thái Thất) chứ không có bánh giầy tròn ở trên, không có Ngũ Hành nên cũng không có Vô thể, thiếu trung cung tức là thiếu liên hệ với linh thiêng sâu thẳm./

III. DƯỚI BÓNG MẸ HIỀN

15.

Bóng Mẹ hiền đây xin được hiểu là dưới ảnh hưởng của nền Minh Triết đầy đủ nguyên lý Mẹ. Đó là điều họa hiếm. Hầu hết chỉ còn có cha, tức duy dương, duy trí, duy vật.

Nói tới Mẹ hiền tự nhiên liên tưởng tới cha dữ. Đó không phải bất công, mà chỉ là kiểu nói bình dân có phần hơi mạnh để tỏ tính của hai đối cực : bên nhu bên cương, bên tròn đầy bên bất góc. Cương mà không được nhu thấm nhuần thì dễ trở nên bạo hành tàn nhẫn. Vì thế nếu phải chia ra hai cột thì bên Mẹ là yêu thương vô bến bờ, chuyên nâng đỡ đời sống. Bên cha là tăng quyền uy, bắt đi sát kỷ luật nghiêm khắc. Bên Mẹ là hoà bình, bên cha là hiếu chiến. Bên mẹ là tích tụ. Bên cha là phân tán. Bên Mẹ là lệ làng. Bên Cha là pháp nước. Pháp nước thì chung cho toàn quốc, có tính cách trừu tượng, tự trên áp đặt không hợp cho mọi nơi được. Còn lệ làng là của từng địa phương hợp tình hợp cảnh vì do dân dựa theo kinh nghiệm mà đưa ra nên có tính cách bình dân hơn hẳn. Bên mẹ là nông thôn đồng ruộng, văn hóa. Bên cha là thành thị, văn minh, thương mại.

Bên Mẹ là nhân ái yêu thương. Bên cha là trí mưu tính toán. Nói gọn là : «mẹ non nhân, cha nước trí».

16.

Tóm lại nếu phân ra được thì ai cũng nhận bên mẹ. Luật Manu nói mẹ đáng mến ngàn lần hơn cha (W. Durant 494). Tuy nhiên không vì mẹ đáng yêu mến hơn mà bỏ cha được. Bởi như đã nói trên : mẹ cha chỉ là đại biểu cho hai thái cực. Kinh Dịch nói «duy dương bất thành, độc âm bất sinh» không được chọn một bỏ một. Lý tưởng là làm sao giữ được cân đối. Theo tiền sử ở thời thái sơ gọi là văn hóa thì địa vị mẹ nổi vượt nên có an hòa, có cân đối, nhưng đến đời văn minh thì cha lấn mẹ, vậy là mất thế quân bình. Bí quyết giữ thế quân bình ở tại nâng đỡ bên mẹ : nâng đỡ bên yếu, gọi là tinh thần phù yếu, biểu thị bằng tục trọng tử (tay tử yếu hơn nên được dùng để chỉ bên yếu cần nâng đỡ) có vậy mới giữ được thế bình quân giữa âm và dương để làm nên cõi người ta.

17.

«Cõi người ta» phải có bầu khí Thái Hoà để đúng với câu : «thiên sinh, địa dưỡng, nhân hòa. Muốn cho câu trên trở nên gần gũi và thấm thiết cùng cực thì văn hoá Việt dùng hình ảnh mẹ cha. Thay vì nói thiên sinh mẹ dưỡng» thì nói «cha sinh, mẹ dưỡng», nội dung như nhau, chỉ khác lối trình bày : nói «cha sinh mẹ dưỡng» là rút cái bao la thiên địa vào tầm mức nhỏ cho con người dễ thâm nhận, chứ chân lý vẫn là một, gọi là «thiên địa vạn vật nhất thể». Theo đó thì cái thực cho một phần cũng là thực cho tất cả= một cộng cỏ cũng giá trị như trời đất. Nói thiên sinh địa dưỡng hay nói cha sinh mẹ dưỡng cũng thế : đứa con phải là sản phẩm của một tác hợp tràn đầy ái ân thâm thiết, nên sản phẩm phải được định tính bằng chữ Hòa chữ Hợp. Nói nhân hòa cũng như nói Hòa là con người. Thiếu Hòa không ra người được. «Bĩ chi phỉ nhân». Muốn ra người phải là quả Thái. Có đạt Thái Hòa thì con người mới đạt cùng cực là Đại Ngã Tâm Linh. Đó cũng là cứu cánh của con người rồi đó.

18.

Thế nhưng trong thực tế con người chỉ đạt những bước hòa nhỏ nhỏ cỡ lương tri thường nghiệm, nghĩa là những hậu quả bé nhỏ còn đầy mâu thuẫn. Kinh Thánh có câu khuyên người cần hiền lành như chim bồ câu, nhưng lại phải khôn ngoan như con rắn. Câu đó phảng phất lý tưởng tiên rồng, vì cũng có chim chỉ mẹ và rắn chỉ cha. Nơi Việt tộc thì tiên chim và xà long đã gặp nhau trên cánh «Đồng Tương». Nói cánh «Đồng Tương» là nói lên mối Tương quan thân mật cùng cực như tha 60y được trong Trống Đồng hình chim u đang đưa cái hôn nồng cháy vào tận cửa họng thuyền rồng. Thực không thể tả cảnh ái ân cách thắm thiết táo bạo hơn, nhưng cũng thanh tao rất mực không thể hơn được nữa. Hình ảnh ấy nói lên sự thực hiếm có trên đời là nền Minh Triết tròn đầy gồm cả mẹ lẫn cha mà tiền nhân ta gọi là «Giao Chỉ» với nguyên nghĩa là chỉ trời chỉ đất giao thoa. Giao thoa được cùng chăng là do con người có làm tròn nhiệm vụ «Nhân Hòa» cùng cha 136ng. Trong thực tế ở khắp nơi tất có nhiều cuộc giao chỉ, nhưng hầu hết đều ở đợt lương tri, chứ chưa đạt đợt triết lý, nên thiếu những lâu đài trường cửu như nơi Trống Đồng. Lác đác đó đây cũng có gặp chim và rắn, nhưng lại trong thế giao tranh như thần điều Garuda đang mổ rắn Naga bên Ấn độ, tức là chim rồng không gặp nhau

trên cánh Đồng Tương, mà trên cánh đồng tương tranh tương đồ. Bên Perse còn tệ hơn khi cho thần lành diệt thần dữ. Đó là lấy dương a 1t âm, đi đến thuyết nhị nguyên đối kháng, y như vật biểu hầu khắp nơi đều không có chim trời đi với rắn nước, mà nếu có chim thì hầu hết là loài chim ăn thịt thứ dữ, hay toàn loài ác thú 4 chân, nên đều là tương tranh tương đấu, chứ không có tương ái tương hòa.

19.

Điều ấy có nghĩa là trong hết mọi chạng con người chưa thành tựu được cảnh Thái Hoà trong «tình lý tương tham, tri hành hợp nhất». Sâu xa hơn nữa thì ý thức phải hợp với tiềm thức, nói kiểu siêu hình là Hữu phải ôm Vô. Hữu là ý thức là lý trí, còn Vô là tình là Tâm (tâm thuộc tiềm thức) : hai diện đó phải hòa phải hợp, nếu không thì gây ra tâm bệnh thường là loại schizophreny có nghĩa là chẻ đôi tâm trí, vì thế cũng gọi được là split personality= bản lãnh chẻ đôi. Người bị chứng đó mắc đầy mâu thuẫn, mảnh mún, rời rạc, thiếu nhất quán. Không có được một bản ngã hùng mạnh. Đây là đợt cá nhân. Bước sang đợt gia đình thì «phu thê giao bái» đóc ra lối chồng chúa vợ tôi» theo kiểu luật rừng yếu thua mạnh được

20.

Thế rồi lên hai cấp trên là «trị quốc bình thiên hạ» thì là thói mạnh lấn yếu, trước là nước lấn nhà : độc ra độc quyền chuyên chế. Tổ tiên ta quen nói «nhà nước» rồi «làng nước» nổi hai lại một, nhưng khi rơi vào tay chuyên chế thì cả làng lẫn nhà đều bị lấn át. Đến chỗ cùng cực thì chỉ còn quốc tế chứ nước cũng bị đe dọa biến luôn dưới sức búa bổ «Tam Vô» là vô gia đình, vô tôn giáo, vô tổ quốc. Vô tôn giáo là diệt tâm tình. Vô gia đình là diệt tổ ấm nuôi dưỡng xác thân, diệt luôn tâm hồn với tình âu yếm thiết tha của gia tộc. Cuối cùng đến nước là mối tình cao quý giữa đồng bào cũng vô luôn để dành chỗ cho quốc tế. nhưng đó chỉ là cái tên trừu tượng rỗng tuếch được dùng để đày đọa con người, chứ có còn nội dung người đâu. Tất cả tai họa đó đều tại lỗi triết học duy trí đã đánh mất Nguyên lý Mẹ.

21.

Tóm lại bầu khí của nơi giữ được nguyên lý Mẹ là bầu khí Thái Hòa an vui, sống mạnh cả nhà lẫn nước. Plato đã nói được một câu chí lý rằng : «sự khôn ngoan cùng cực ở tại biết xếp đặt ổn thỏa việc nhà việc nước. Tuy nói được câu đó nhưng không làm được, vì Plato

đã không quan trọng hóa nhà cho đủ. không biết đi một đường tả nhậm để bênh vực bên yếu là nhà, nên nhà đã bị nước lấn át. Vì thế văn hóa tây âu đi đến duy dương, duy trí, mất nguyên lý Mẹ, gây nên thứ văn hóa duy lý, thiếu tình, tức cũng là thiếu vui sống... chuyên về võ công ca và bi kịch mà yếu về thơ trữ tình và sinh thú như bên Đông Á.

Có hai sự kiện lớn lao trong văn hóa kiện chứng cho tính cách còn Mẹ : một là thần cứu tế Lokesvara bên Ấn độ vốn là thần nam, làm phó đức Adidà bên tây phương tịnh thổ, thế mà khi xuất hiện trên phần đất Việt nho đã mặc xác nữ trở thành Quan Thế m Bồ Tát, lại còn bông đưa con gọi là Quan Âm tổng tử, tức là đi ngược hẳn với bên Tây Trúc diệt dục, diệt sinh : li gia cắt ái». Sang đông bộ thì nâng tình lên đến độ làm Thần Nữ, lại còn bông con, cho con. (tổng tự) Việc thứ hai Đức Di Lạc hiện thực câu nói : thứ nhất bộ râu thứ nhì bầu bụng. Bầu bụng thì đã phơi ra quá rõ đủ nói lên hậu quả của sự vui sống. Còn cái miệng thì tuy không râu nhưng lại cười tươi như hoa nở rộ. Bỏ râu đây không là diệt sinh mà là để khỏi che mất cái miệng cười tươi vui sống. Hai sự kiện trên minh họa đầy đủ bầu khí văn hóa có nguyên lý Mẹ : «còn Mẹ ăn cơm với cá. mất Mẹ liếm lá gặm xương»./.

V. VỀ QUÊ THĂM MẸ

NHỮNG BÓNG DÁNG PHI PHẠM ĐỘT MỘT.

1.

Tìm về nguồn gốc văn hóa Việt mà đi được đến cùng thì sẽ gặp nét đặc trưng nổi bật đó là một thứ huyền thoại rất đặc thù không thể gọi là thần thoại nữa mà bắt buộc phải đặt ra tên mới là nhân thoại. Ở thần thoại thì thần đóng vai chính, thần làm chủ, làm big boss, con người chỉ đóng vai tùy phụ và thường là nạn nhân. Trái lại trong Nhân Thoại chính con người làm chủ, thường không có thần, hoặc có thì chỉ đóng vai khán giả hơn kém. Đó là phân biệt rất thú vị và có liên hệ mật thiết với Mẹ, mà xưa rày ít được để ý, là vì nguyên lý Mẹ đã bị chôn vùi, nên người ta cũng không biết đến sự có mặt của nhân thoại nữa. Vậy thì trong việc quang phục nguyên lý Mẹ ta hãy khởi đầu khai thác khía cạnh này. Trước hết hãy kể lại mấy nhân thoại lấy lòng hơn cả.

2.

Nhân thoại lớn lao cùng cực là Bàn Cổ.

«Hỗn mang chi sơ.

Vị phân thiên địa.

Bàn Cổ thủ xuất.

Thủy phán âm dương.»

Trong cảnh hỗn mang sơ thái, lúc cả đến đất trời cũng chưa phân thì một mình Bàn Cổ xuất hiện. Mỗi ngày lớn lên chín trọng. Đầu mắt hút vào mây trời, chân lún sâu xuống tận rốn đất. Khóc thì thành các sông, cười thì thành sấm sét, thân xác rã tan thành ra loài người... Thực là nhân thoại cùng cực không thể đặt được một nhân thoại oai hùng hơn. Quả là mệnh mông bát ngát đến độ xuất hiện trước cả trời cùng đất, rồi tự tay phân định âm dương, nhân thoại không thể chê vào đâu được. Chỉ có thể hỏi Bàn Cổ thuộc về phía Cha chứ có phải thuộc phía Mẹ đâu ? Thừa gọi ông Bàn Cổ là việc làm về sau, chứ chính ra thì Bàn Cổ chưa phân giống, vì sinh ra tự hỗn mang chi sơ, mới là hình ảnh của Người Uyên Nguyên, chưa phân đực với cái. Trời đất còn chưa phân làm chi đã có giống đực với giống cái đâu mà bảo là ông với bà. Người ta quen gọi thế vì bị ảnh hưởng xã hội phụ hệ về sau, ngay như Nữ Oa thái Mẫu kia mà trước còn bị gọi là ông, mãi đến đời Hán mới nhận ra

là bà.

3.

Nếu cần phải nói ông với bà thì Bàn Cổ phải gọi là bà mới đúng tục lệ thời thái cổ luôn luôn là mẫu tộc; trời cũng còn gọi là bà nữa là : Ông Trăng mà lấy bà Trời. Trăng kém Trời nên chỉ được gọi là ông, phải cao cả như Trời mới được gọi là bà. Vì thế ở thời sơ nguyên bà luôn đi trước như thư hùng, thất gia, tị tử.. Sự thực đó là thứ tự của Việt tộc thuộc chi họ Hồng Bàng. Hồng là chim tiên đi trước Bàng là rồng, đứng thứ tự âm trước dương, vợ trước chồng.

Chữ Bàng cũng đọc là Bàn, nên Hồng Bàng cùng họ với Bàn Cổ. Lưu truyền rằng mồ mả Người còn đâu đó trên rừng núi tỉnh Quảng Đông. Xin nhớ là Quảng Đông, Quảng tây và Vân nam đều nằm trong cảnh vực của Bách Việt xưa thuộc Văn lang quốc liền trước đời Nam Việt (207-111 BC). Đây là vùng mà ngày nay khảo cổ đang khám phá thấy là một trung tâm rất lớn của văn minh Đông Á, và chắc sẽ là đỉnh cao tự thức đầu tiên của loài người như sẽ nói sau.

4.

Truyện thứ hai là Phục Hi.

Phục Hi lập ra Kinh Dịch bằng xếp hai nét đứt liền lên nhau. Nét đứt là âm, nét liền là dương, rồi thêm một hào âm hay dương nữa thành ra quẻ đơn ba vạch. Tất cả có tám quẻ. Lại chồng hai quẻ đơn lên nhau thì thành ra 64 quẻ kép. Đó là cơ cấu vũ trụ sinh thành : «Thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng. Tứ tượng biến hóa vô cùng». Đó là sáng thế ký văn tắt nhất, hợp đường lối khoa học hơn cả và nhất là đầy tình người. Chính nó đại biểu cho nền văn hóa có đường dọc đi lên siêu thức. Cho nên chữ Dịch chính tông phải hiểu là biến thể, là đi lên tầng tâm thức mở rộng khác trước, do đó có tên là Phục Hi, nói bóng là Phục Hi thuần phục súc vật, hiểu là vượt đọt vật hình để siêu lên đọt siêu hình Đại Ngã. Vì thế chữ Dịch cũng như chữ việt có một ý nghĩa sâu thẳm tâm linh làm nên nét lưỡng hợp đặc biệt. Nét này đã có lâu rồi ở Thái Bình Dương như được chứng tỏ về linh lực trong các lễ điểm đạo. Còn quẻ của Phục Hi biểu thị giai đoạn đưa các nét lưỡng hợp lên đọt trừu tượng hơn để dễ trở thành phạm trù phổ biến bao gồm cả trời, đất, người. Kết quả là nét lưỡng hợp trở thành hai hào âm dương. Như vậy nội dung Kinh Dịch đã có trước ngay từ đời Bàn Cổ.

Phục Hi chỉ là đợt công thức hóa đầu tiên. Bàn Cổ đưa ra tượng hình, Phục Hi cách điệu hóa tượng hình thành hai nét vạch liền đứt.

5.

Truyện Nữ Oa

Hai nét này sẽ trở nên như cánh cửa mở vào miền đạo học Việt Nho mà đỉnh cao hơn hết là hai lễ Phong Thiện. Phong là lễ tế Trời cử hành trên núi Thái sơn. Thiện là lễ tế Đất ở Lưỡng Phủ.

Trong đời sống thì hai nét đó trở nên nhịp đôi ăn vào hết mọi sự mọi việc và diễn ra đủ hình thái như tròn vuông, chẵn lẻ, cương nhu, vô hữu... làm nên một thứ tiết nhịp mệnh mông chỉ huy toàn thể vũ trụ.

Bạn bảo đúng là nhân thoại nhưng không có Mẹ ? Thừa không những có mà Mẹ còn giữ ngôi Nội Tướng trong vai Nữ Oa thái Mẫu theo luật «quả vi quân, chúng vi dân». Quả là chỉ có một mình như Nội Nữ Oa nên làm vua ngự ở trung cung số 5. Còn chúng là Phục Hi và Thần Nông làm dân chia nhau đóng đồn lính thú hai bên : Phục Hi bên đông số 3, hành mộc, màu xanh nên cũng có tên là Thanh Tinh (rồng xanh). Thần Nông số

2, phương Nam chỉ hỏa đức, màu đỏ nên có tên là Viêm đế. Cả hai bao quanh Nữ Oa là 179m thành «Tam Vị Thái Sơ» cân đối cùng cực, kết tinh bằng ba số 2, 3, 5. Như vậy Nữ Oa thái Mẫu chính là bà nội của chúng ta. Nói vắn tắt là Nội. Nội trên các Nội.

6.

Về Nội Nữ Oa còn nhiều điều phải nói. -Trước hết là Nội đội đá vá trời. - Hai là Nội cầm cái Qui (số 5). - Thứ nữa là Nội lập ra phép linh phối. Truyền vá trời phải kể sau truyện Cộng Công húc đầu vào núi Bất Chu Chi Sơn đánh sứt trời phía tây bắc, buộc Nội phải nấu đá Ngũ Hành đội lên vá lại. Đây chỉ nhắc sơ qua, sau sẽ trở lại phân tích tỉ mỉ.

Điểm hai dễ hơn vì có hình vẽ Nội đang quán đuôi với ngoại Phục Hi. Ban đầu người ta lầm Nội là ông, vì Nội cầm cái qui tròn. Tròn thuộc trời lẽ ra thuộc cha là Phục Hi. Đã vậy đến lúc xét phía dưới thấy Nội cũng có đuôi y như Ngoại Phục Hi. Thành ra ban đầu loáng quáng gọi Nội là ông. Đó là tại chưa học luật Giao Chỉ của Kinh Dịch, theo đó thì «thể phương nhi dụng viên» (cái thể trong vuông thí cái dụng bên ngoài phải tròn). Vuông là mẹ nhưng vì ở trong, nên biểu lộ phải tròn.

Tròn thì cầm cái qui và là tay trên; Phục Hi chỉ còn có cái Củ kèm cái Qui một bậc, nên tục ngữ nói «lệnh ông không bằng công bá». Đó là tình trạng buổi sơ nguyên thì vậy.

7.

Truyện thứ bốn về cái qui

Truyện thứ bốn về cái qui là khó nhất : cho tới nay chưa sách nào giải nghĩa nổi (như ông Gulich phân trong quyển *La vie sexuelle en Chine* p.81). Không lạ vì trong có những khó khăn vượt tầm hiểu biết của duy lý. Trước hết là vụ treo căng ngỗng (giao chỉ) đã nói trên.

Thứ đến là vì trong cái Qui có phần trống rỗng ở trung tâm là chỗ huyền đồng của mọi đối nghịch, nên nói Nôi lập ra phép linh phối. Nhiều sách viết là hôn phối. Sai rõ rệt vì hôn phối là việc thuộc bình diện hiện tượng ở giai đoạn văn minh. Còn linh phối thuộc siêu hình đặt ở đợt văn hóa thái sơ. Vậy phải viết là linh phối để chỉ sự nối kết các thái cực trong vũ trụ. Và đó là Minh Triết hay là khôn sáng. Khôn là tên nguyên lý Mẹ trong Kinh Dịch má Châu Dịch gọi là Càn Khôn. Còn trước kia gọi

là Khôn Càn như trong đạo nho : «dĩ nhu thắng cương.»

Ba vĩ tích trên chứng tỏ truyện Nữ Oa là nhân thoại cực kỳ cao siêu, cùng một hơi hưởng như truyện Bàn Cổ, đồng thời đề cao nguyên lý Mẹ trên nguyên lý cha. Cha mà được đề cao thì sẽ đốc ra vai Cộng Công đánh sụp trời. Đến lúc cần vá thì lại phải cậy đến Nội, chứ chỉ có cái Củ thì làm ăn được chi đâu, chỉ loay hoay đo với đạc ở hàng ngang hiện tượng, chứ đối với linh phối mới quan trọng thì cái củ vuông lý trí tỏ ra bất lực kinh niên. Chì xem bên trời tây thì rõ : nơi đây cũng xảy ra vụ tương đương với việc làm sụp trời mà Nietzsche gọi là nhát chém chẻ đôi trong siêu hình nhưng thiếu Nữ Oa đội đá vá lại nên nhát chém vẫn nhỏ máu suốt qua 25 thế kỷ cho đến tận nay thì máu không nhỏ nữa mà chảy ồ ạt. (Plato đốt thơ để thầy Socrates cũng kể là húc đầu vào núi không tròn)

8.

Truyện thứ năm là Thần Nông

Truyện thứ năm là Thần Nông mình người, đầu bò có tên khác là Viêm đế. Như vậy là ở vào thời thờ mặt trời. Dân thì gọi là Viêm tộc, nhà Phật dịch là «Nhật chủng»

(có thể tên Nhật bản phát xuất tự thời này, vì Nhật thờ nữ thần Nhật). Thần Nông có tiếng lập ra phép canh nông. Hai chữ này chỉ bước cách mạng vượt bậc của loài người là đi vào giai đoạn tự làm ra của ăn để thay cho giai đoạn bấp bênh hái lượm sẵn bắt. bước sang giai đoạn mới này thì diện tích trước kia chỉ nuôi được một người thì nay nuôi được đến cả dăm chục người, như thế người có giờ rảnh rỗi hơn nên đã làm nảy sinh ra nhiều nghệ thuật cùng nhiều sáng chế khác như làm nhà, dệt vải, sống quy tụ thành thôn làng... Nhưng quan trọng hơn hết thuộc tinh thần là nét gấp đôi, đặc tính dài lâu của văn hóa, được thành hình một cách bền bỉ và được biểu lộ bằng những hỉnh thái, những lược đồ, những đức tính mà ngày nay nhiều người gọi là văn hóa, để đối chọi với văn minh là sự tiếp nối thời sẵn bắt, đưa cả chinh phục vào văn hóa thành ra văn minh, lấy thị thành làm chủ, lấy chủ nghĩa pháp luật làm mẫu mực. Bỏ nhạc để thay thế bằng luận lý pháp. Tôn tồ trưởng lên làm vua thần, làm lãnh tụ, đặt nền nước trên nguyên lý thống trị (principle of domination) ngược với nguyên lý thân tộc (principle of kinship) bên văn hóa nông nghiệp. Tóm lại văn minh căn cứ trên thành thị, trên những cái nhân vi tạo tác, còn văn hóa căn cứ trên đồng ruộng, trên làng mạc thiên nhiên.

9.

Trên thế giới có ba nền nông nghiệp : lúa mì ở Lưỡng Hà, lúa bắp (ngô) ở Mỹ, Astec, Maya, lúa nước ở Đông Á. Nông nghiệp lúa Mì sớm bị du mục chinh phục qua Babylon, Assyria. Lúa Bắp bị Astec chế ngự cũng biến ra du mục. Còn lại có lúa Mễ tuy cũng có pha ít lúa mì như mạch và tặc, nhưng lúa Tặc không lấn át nổi lúa Mễ. Tuy nhà Châu có lập ông Hậu Tắc lên làm điền chủ thay Thần Nông, nhưng cuối cùng thất bại. Nhà Thanh đời Khang Hi còn cho tế Thần Nông mà không tế Hậu Tắc, tức văn hóa Mạ vẫn thắng thế. Điều đó chứng tỏ rằng văn hóa nhà Châu đã ghé du mục và đến sau rồi chỉ thêm vào Việt Nho được chút ít để làm ra văn minh Hán chứ không biến đổi được văn hóa Việt đã có lâu trước. Tóm lại Nông nghiệp đã có mặt khắp nơi trên thế giới : đâu cũng có điền tổ hết, nhưng còn đứng vững đến ngày nay với bề thế đồ sộ thì chỉ thấy có nông nghiệp Thần Nông là còn giữ được tinh thần hơn cả, xứng đáng đứng bên hữu Nữ Oa đối với Phục Hi để làm nên Tam Hoàng thái thượng vượt xa mọi bộ ba khác về đẳng nhân chủ tính.

NHỮNG BÓNG DÁNG PHI PHẠM ĐỢT HAI.

10.

Sau Tam Hoàng thì đến Ngũ Đế thường được kể là: Thiếu Hạo, Chuyên Húc, Đế Cốc, Nghiêu, Thuấn. Đây là đợt hai tiếp theo đợt Thái Nhất, nhưng cũng còn thuộc Huyền sử, nên niên kỷ chỉ có thể ước đoán phỏng chừng vào quãng từ 4 đến 5 ngàn năm tr.tl.

Trong ngũ đế nên chú ý đến đề Chuyên Húc họ Cơ (Cơ Chuyên Húc) được phong đất Kinh Man, tức nước Sở sau này, nhưng trước nữa còn gọi là Kinh với Dương (ở phía Đông) đều thuộc quyền vua Lạc Việt với tên là Kinh Dương vương mà sử Tàu gọi là Man Di. Đây còn là lúc thờ mặt trời nên có những lễ về lửa như Nhập hỏa, Cải hỏa, Xuất hỏa... Việc thờ lửa vào thời này ở nhiều nơi kéo theo những vụ thiêu sống người để tế thần như bên Astec, Veda, Phenicia đều có giết trẻ để tế mặt nhật. Riêng bên Đông Á nhớ có Nguyên lý Mẹ nên tránh được những dị đoan ghê sợ. Truyện kể rằng trời lúc đó thấp lắm : bò đi vướng sừng, lợn phải oằn lưng xuống mới xê dịch được, con người bị quấy rầy nhiều cách. Chuyên Húc mới sai thần Chúc Dung trước rồi Trùng Lê sau phân định ra việc người với việc trời. Truyện kể là ông chặt cây thông lên trời không cho trời xuống quấy rầy con người nữa. Nên hiểu la 79 có những

truyện sát tế như xảy ra ở Phenicia, hay ở Ấn độ cũng có tế người như bên Phenicia. ở Astec cũng vậy người ta thắp lửa trên ngực nạn nhân.

11.

Còn ở Đông Á ngay thời ấy đã có những huyền thoại xứng đáng là nhân thoại tức không để cho trời can thiệp quá đáng vào việc người như truyện hậu Nghệ bắn rớt 9 mặt trời không cho phiền não con người. Chỉ có vài trường hợp ngoại lệ như vụ Hà Bá cưới vợ thì sớm bị nho gia phá vỡ. Đó là tinh thần nhân chủ khiến sau này tránh được tai họa chiến tranh tôn giao. Các nơi hầu hết nghệ sĩ bị tư tế khống chế, bắt phải theo luật này nọ như luật trán đầy (frontality) bên Ai cập : vẽ mặt nghiêng nhưng mắt phải thấy đủ. Bên Việt vẽ sao tùy nghệ sĩ, nên hình vẽ có đủ tư thế không ai bắt phải theo luật nào hết.

Tóm lại với Ngũ Đế thì dù hiểu đế là chinh phục cũng được vì đây không chinh phục đất đai mà là chinh phục tâm lý nghĩa là tẩy khỏi tâm hồn những ý nghĩ dị đoan đã bị trời cho xâm chiếm tâm thần con người nay cần chinh phục lại cho con người. Khỏi nói thì ai cũng biết có nhiều bảng ngũ đế cũng như bảng Tam Hoàng khác

nhau. Đó là những bảng sử ký hoá huyền thoại cần phải thải bỏ, vì do đẩy những chân lý bao la hàm ngụ trong huyền thoại bị rút hẹp, trở thành sai lầm.

12.

Truyện Hồng Bàng

Truyện này thuộc giai đoạn Ngũ Đế và còn giữ nhiều ả tích thuộc thời Viêm Việt, thời thờ mặt trời. Chữ Viêm kép bởi hai bộ hỏa chỉ mặt trời. Sau đó bước sang giai đoạn thờ Trời với Hồng Bàng thị. Trang huyền sử đầu tiên của họ náy kể như sau : Cháu ba đời Viêm đế Thần Nông tên là Đế Minh tuần thú phương Nam gặp Vụ tiên trên núi Ngũ Lĩnh sinh ra Lộc Tục làm vua hai châu Kinh và châu Dương (kinh Dương vương), đặt quốc hiệu là Giao Chỉ... Đó chỉ là huyền sử tức hàm chứa ý nghĩa hơn là sự kiện lịch sử. Cái ý nghĩa đó có thể đọc ra phần nào xuyên qua các tên các số.

Trước hết là số 3 trong câu cháu ba đời Viêm đế Thần Nông tên là Đế Minh tuần thú phương nam. Phương Nam hành hỏa nên Đế Minh (vua sáng) tất phải tìm về đó, về phía có sáng, có lửa. Sau này Nho công thức hóa thành câu «tại minh minh đức» : muốn học làm

người thì bước thứ nhất phải là «làm sáng cái đức sáng» của mình. Nói bóng là Đế Minh tuần thú phương Nam. Phương Nam hành hỏa (minh đức) mang số 2. 2 cộng với 3 (cháu ba đời) vị chi là 5, nên tất gặp Vụ tiên trên núi Ngũ lĩnh (=năm đỉnh núi cao). Đã là tiên thì phải đạt số 5 (Nữ Oa ở trung cung mang số 5) nên tiên phải ở trên Ngũ lĩnh.

13.

Ở đây nên chú trọng đến chữ Vụ tiên. Vụ là cò trắng (trắng đây phải hiểu là trống trơn) cũng gọi là lộ (Lộ Bàn, Lộ Bộc). Cò là giống chim nước nên là dấu chỉ đang đi vào giai đoạn thờ Trời. Trời chỉ bằng chiêm dương, nhưng bây giờ đã thờ Trời, mà Trời thì phải đối đãi với đất, với nước, nên phải là chim nước để giao tiếp với rồng ở dưới nước. Trong giai đoạn thờ Nhật duy dương thì các chim thuần dương, mà chim trĩ là chính. Trĩ cũng có tên là Loan, là Địch, là Nam chủ. Vì các dương điều này mà nước có tên là Xích Quỷ. Quỷ là làm chủ, còn Xích có nghĩa là tinh hoa của một cái gì, ở đây là tinh hoa của giai đoạn thờ mặt nhật, sắc đỏ, nên Xích quỷ có nghĩa là làm chủ, là thấu triệt được ý nghĩa sắc đỏ được thể hiện trong chim chu tước tức con trĩ đỏ lửa. Đó là tên chấm dứt giai đoạn Viêm Việt để

bước sang giai đoạn mới thờ Trời thì dương điều phải được thể chế bằng các chim nước như hồng, hạc, vù. Vù tiên lấy Đế Minh sinh con là Lộc Tục hiệu là Kinh Dương vương tức làm vua cai trị hai miền Kinh Man và Dương châu (vùng sông Hoài, châu Từ, Chiết giang...) cả một miền mênh mông quen gọi là Việt Đông, mà Việt Chiết giang là một trong những trung tâm một thời nổi tiếng.

14.

Kể đến là truyện mẹ u Cơ kết bạn với Lạc long quân đẻ ra cái bọc trăm trứng, rồi vỡ ra đồng, nở ra trăm con mà con nào con nấy đều phương trưởng. Rồi trăm con chia tay : 50 theo cha xuống biển ảng tin, còn 50 con theo mẹ lên núi lập ra nước Văn lang, hiểu là văn hóa vẫn giữ được nguyên lý Mẹ, lấy văn làm nền, võ chỉ là thứ yếu, nên quen nói văn võ tức văn trước võ.

Đó là tóm ít trang đầu huyền sử Lạc Việt : ý nghĩa thâm sâu mà vẫn thiết thực vì nó tàng ẩn ngay trong những cử chỉ coi như tầm thường, nên con cháu không nhận ra được. Đó chính là truyện mẹ u cơ đã nhấn mạnh trên nền Minh Triết mà sau được diễn lại trong Kinh Dịch rằng : «Thái cực sinh lưỡng nghi» là cái bọc chia

ra hai bè : mỗi bè 50 con. bè lên non biểu tượng trời, bè xuống bể biểu tượng đất. Vì trời đất phải thông hội nên mẹ mang tên chim nước để có đường thông với rồng ở dưới nước. Đó là chiều kích vũ trụ của câu chuyện được áp dụng vào đời sống thường nhật như để cái bọc trăm trứng. Để khi chim (điều tặc) tức để trứng rồi ấp ra con. Truyện kể mẹ vất bọc ra ngoài đồng là theo lối nông nghiệp và con nào con nấy đều phương trưởng tức theo lối bình sản, là quân phân tài sản ruộng vườn, nhờ đó không con nào vô sản hết, nước mẹ không có vô sản để nảy sinh chế độ nô lệ ca 36n cứ trên vô tài sản với hữu tài sản. (nói chữ bè để nhớ tục hát trống quân xưa, nơi nào có thể thì tổ chức bên bờ sông có núi : bè nữ tự núi xuống, bè nam tự sông lên)

15.

Còn việc 50 con theo mẹ lên núi thì không là núi cho bằng là một cực cao đối với cực thấp biểu thị bằng biển sâu để chỉ hai đối cực của bất cứ vật gì, ở đây nó chỉ bên này non nhân, bên kia nước trí, đúng là Mẹ lân tuất yêu thương, Cha mưu trí thao lược, nhưng mẹ vẫn ở thế tay trên, nên 50 con theo mẹ lên núi lập ra nước Văn lang, chứ không phải 50 con theo cha xuống biển. Nước Mẹ lập ra thì nhất định phải là Văn lang quốc, tức văn trị

chứ không phải cha đâu đẻ mà võ trị theo lối pháp gia bá đạo. Văn võ trái ngược nhưng trong Văn lang thì hai đảng vẫn hoà hợp, ngậm chỉ bằng cánh Đồng Tương mà trước đã chỉ bằng cái bọc trăm trứng. Đó là mối liên hệ ngậm mà nơi Phục Hi Nữ Oa biểu thị bằng hai đảng văn quần lấy đuôi nhau. Phải quan trọng điểm này vì nếu đánh mất ý thức về điểm sơ nguyên nọ thì sẽ đọa ra các thứ duy : duy tình hay duy lý, duy cha hay duy mẹ, duy nào cũng là nghiêng lệch và sẽ gây khổ lụy cho loài người như ta thấy nơi duy vật.

Đẻ con, nuôi con, rồi bây giờ đến dậy con thì mẹ xuất hiện dưới dạng thức Nữ Thần Mộc dậy anh em Lộ Bàn Lộ Bộc biết làm nhà chữ đình. Nữ thần Mộc là hành mộc số 3, còn Lộ Bàn Lộ Bộc chỉ Lạc Việt. Chữ Bàn cũng đọc là Bang nên cùng họ với Hồng Bang. Còn Lộ

Bộc là một tên khác của Việt tộc, gọi là Bộc Việt, nên Bách Việt cũng có khi gọi là Bách Bộc. Nhà là nơi ta hướng lòng về, bao nhiêu của quý đều để trong nhà. «Cửa bay ở đâu thì lòng bay ở đó». Nơi quy tụ của đạo Việt là Đạo làm Người, là «Vi Nhân», nên Mẹ dạy con làm nhà mà không dậy gì khác.

16.

Tại sao nhà chữ đình ? Thừa chữ đình có nét ngang trên, nét dọc dưới. Nét ngang chỉ người trong xã hội gọi là dân, Nét dọc chỉ người đại ngã tâm linh gọi là nhân. Con người toàn diện phải là người có cả ngang cả dọc, cả nhân cả dân. Nét dọc cũng gọi là đường kinh, nét ngang là đường vĩ. Làm người đầy đủ không những phải có vĩ ngang, mà còn phải có kinh dọc (sách dạy chiều dọc này gọi là kinh điển). Tiên nhân ta nói bóng: «người là hoa đất ngọc nước». Hoa đất là dân, ngọc nước là nhân. Bài học của Nữ thần Mộc quý vô cùng: ít nền văn hóa có được cả hai. Duy vật thì ngang phê phê đã rõ, nhưng duy tâm cũng không mấy hơn, vì nét dọc của duy tâm thường là giả tạo, thiếu sót, nên gọi là «kinh kinh» cứng nhắc : thiếu sự mềm dẻo vốn đi với cả vĩ lẫn kinh. Thiếu nét lưỡng thể nên không thể có đời tròn đầy viên mãn gồm cả ngang lẫn dọc. Các vị thánh nhân theo nho chính là những người đã thành nhân (thành giả thánh dã), nên ngày tế các vị phải là ngày đình tháng 2 và 8 : tức xuân thu nhị kỳ. Trước khi hội hè đình đám bao giờ cũng đánh ba hồi trống để nhắc nhở bài dạy của Nữ thần Mộc (Số 3) cũng có tên là «Cửu thiên huyền Nữ (số 9). Cửu là chín chứ không là cữu (cũ) như có người viết thể trong quyển nghệ thuật Việt. Số 3 là số sinh, Số 9 là số thành. Vậy phải viết

Hùng vương thứ ba truyền ngôi cho con thứ chín, đừng viết khác, vì đây là huyền số, không phải để đo đếm, mà đem ra đếm với đo, rồi quay ra hỏi sao có 18 đời Hùng vương mà những hơn hai ngàn năm !!!

17.

Hùng vương là con của u cơ tổ mẫu, cháu của Thái Mẫu nữ Oa, học mẫu giáo tại trường Nữ Thần Mộc nên kể là được học hành đúng cỡ. Ta hãy theo dõi công việc của Hùng vương. Trước hết là việc xin job được hiện thực trong cuộc thi gia chánh. Vua Hùng vương thứ ba muốn truyền ngôi cho con theo kiểu kén hiền tài (meritocracy) nên ra đề thi con nào làm được món ngon hơn cả thì truyền ngôi cho và Tiết Liệu đã đỗ với cặp bánh vuông tròn, vì cặp bánh hàm ý nghĩa đất trời. Đó là nhờ Mẹ dạy thì tất phải đỗ và nay đã có giấy mời ra trị nước. Ta hãy xem vua Hùng xoay sở ra sao : ta thấy ngài cai trị nước bằng Huyền Thuật, mà có nơi gọi là Gậy Thần. Gậy Thần có chín đốt, ai biết nắm vào đốt thứ năm thì coi sống chết như nhau tức là tu đến độ đắc đạo không còn sợ chết : coi chết với sống là một. Cầm vào đốt thứ năm là bám sát cái qui của Nữ Oa Thái Mẫu hay cái bọc của Mẹ u Cơ, tức hội nhập hai thái cực vào một. Đó là lưỡng nhất tính. Như vậy Hùng vương là

một hiền triết cũng quen gọi là Nghệ tổ nghĩa là có tài cai trị. Tài cai trị được đo bằng trong nước ít có pháp luật, vì cai trị ít bao nhiêu thì tỏ ra giỏi bấy nhiêu. Càng nhiều luật dân càng khổ, gian trá càng nhiều. Văn lang quốc rất ít luật, nên truyền đời được năm ngàn năm mà vẫn êm thắm, con cháu được hưởng ân huệ cho mãi đến đầu thế kỷ này mới mất vào tay ý hệ ngoại lai tràn đầy pháp luật. Trên đây là mấy nhân thoại làm mẫu. Có thể thêm 15 truyện trong Kinh Hùng cũng đều hơi hưởng nhân thoại như vậy.

18.

Quan sát những truyện trên ta thấy tất cả các bộ số đã xuất hiện trước khi có nước Tàu. Tàu xét như một dân tộc mới xuất hiện lối thế kỷ thứ 15 BC. Nơi phát xuất không tìm được ở trên đất Tàu lúc ấy mà phải tìm ở mạn Đông và Nam mãi về sau mới là của Tàu, tức từ sông Dương Tử trở xuống cho đến Thái Bình Dương. Nơi đây ta mới gặp các huyền số và những dấu đặc biệt của các nhân vật vừa kể trên mà nét lớn lao nhất là vai trò nổi của Mẹ. Như trong bộ ba Tam Hoàng của Nho, ta thấy Oa Hoàng không những nắm cái Qui, lại còn ở giữa Phục Hi và Thần Nông tức là làm chủ, nên trong cổ sử chỉ có Nữ Oa được gọi là Oa Hoàng. Địa vị đó

truyền xuống qua các đời sau, trong đó có tích 50 con theo mẹ lên núi lập ra nước Văn Lang, nơi Mẹ vẫn giữ chức chủ tịch : Bà Chúa Xứ, chứ 50 con theo cha xuống biển thì bật tin tức. Sự thực đây là trang huyền sử chỉ sự phân cực phổ biến trong vạn sự vạn vật. Nhưng nếu cần ch 45 vào lịch sử thì 50 con lên mạn đất liền là Đông Á, còn 50 xuống biển là Thái Bình Dương, mà từ trước tới nay không được nhắc nhở đến, vì còn đang thời quẻ Minh Di = ánh sáng bị thương, nên sách gọi là «Tam phân» có nghĩa mờ chôn = bị chôn giấu./.

VI. U LINH ĐẤT MẸ

19.

Nay ta cần khai quật lên bằng đi ngược thời gian quan sát các cư dân ở Thái Bình Dương, để tìm ra những ấn tích của thời các Mẹ. Đó là giai đoạn mẫu hệ được biểu lộ trước hết trong tục mẫu cư, tức rể về ở nhà vợ. Vậy là đã khác với nguyên thủy lúc con chỉ biết có mẹ. Vai trò của cha không ai biết đến. Thời ấy người ta tin là việc có mang là do thần minh hay hiện tượng nào đó : bên Hi Lạp thì tin là do thần Zeus, bên Ấn độ thì do thần Brahma ban đêm phải xuống trần gian mò gái mới có con người. Bên Đông Á thì các bà Mẹ cổ sơ đều thụ thai kiểu lạ như bà Giản Định tổ tộc Thương có mang do nuốt trứng chim én. Bà Khương Nguyên tổ nhà Châu thì do giẫm vào lột chân người to lớn mà có mang... Do đó không những có mẫu cư, mẫu hệ, mà nhiều nơi luôn cả mẫu quyền (gynaecocracy). Đó là sự việc tất nhiên vì không có ai tranh quyền vào đấy cả. từ Tiểu Nê tới New Guinea, Đa nê, Ấn nê, Thái, Miến, Quý Châu, Vân Nam toàn mẫu cư vờ mẫu hệ, nhất là về tâm tình thì việc mẹ chiếm trọn vẹn còn truyền lâu sau này. Người Indian ở California hầu không nhận cha,

nhưng với mẹ thì quán quýt suốt đời. Người Dayak (Borneo) cũng thế, cha có thể không kể đến, nhưng mẹ thì vẫn là cái gì linh thiêng đáng tôn trọng, và không một ai dám hé ra lời nói nào chống đối. Con gái vẫn thân tình với mẹ cha hơn với chồng.(Mothers 43)

20.

Ngày nay người ta thấy xem ra đàn ông thông minh hơn đàn bà. Giả như điều ấy có đúng thì cái đó do văn hóa xã hội gây nên, chứ ban đầu không có thế. Quan sát những con thú bị giết hoặc bị bắt lúc săn thì con đực bị nhiều hơn những con cái, nên kết luận được rằng con đực thì khờ khạo, lơ đãng, vụng dại, con mái mới khôn lanh, ý tứ, nhanh trí hơn. Vì thế tạo lập gia đình, một việc to lớn khó khăn phải là tác phẩm của Mẹ, chứ con đực không đủ khả năng lập gia đình. Nếu có thì cũng chỉ đi đến thứ đoàn lũ (herd) thuận lợi cho việc săn bắt, chứ trong đoàn lũ rất hiếm tình người. Mà chỉ đậm tình người mới làm nên gia đình được. Trong đoàn lũ chỉ có người đầu được đề cao với luật pháp nghiêm minh cho dễ bề thống trị. Thêm vào đó là sự sống lâu ngày trong bầu khí săn đuổi đâm chém nó uốn nắn xã hội cha thành xã hội lý có tính cách du mục và tất nhiên đi đến chuyên chế bạo hành. Còn xã hội mẹ là xã hội tình căn cứ trên

gia tộc, thì tình chiếm hầu trọn vẹn, tất cả đều được tâm nhuần lâu ngày trong bầu khí mẫu tử làm toàn bằng yêu thương lân tuất vô bến bờ. Trong gia đình không có tiếng của tôi của you, cùng lắm là tiếng của chúng ta, vì lúc ấy chưa có tư sản. Chế độ tư sản mới ra đời muộn về sau và trở nên điềm làm đảo ngược lịch sử cũng như tư duy của loài người, biến văn hóa mẹ thành văn minh cha. Từ văn hóa thôn làng đi sang văn minh thành thị.

21.

Từ sự thể trên ta đi ngược lên thời thái cổ để xem hôn phối bắt đầu tự đâu ? Các nhà nhân chủng mới khám phá ra là ban đầu mọi sự hoàn toàn do mẹ, không ai biết đến cha, y như đàn cá chuối hay đàn gà do mẹ dẫn đàn con đi ăn. Người ta đoán gia đình nguyên thủy hình thành kiểu đó : chỉ có mẹ con. Đàn ông có xuất hiện thì chỉ là anh em hay chú bác của mẹ. Do đây mà vai ông cậu rất lớn trong chế độ mẫu hệ.

Còn hôn phối thì đến sau nữa và chia ra nhiều đợt. Đợt trước tiên là «huyết tộc quần hôn», ai muốn phối hợp với ai trong gia đình thì tùy ý, chưa có ngoại hôn. Kế đó đến lấy vợ chồng là lấy cả một đàn bà, một đàn ông, người con gái trở nên vợ của hết thầy mọi đàn ông

trong gia đình, cũng thế người con trai trở nên chồng của hết mọi đàn bà trong gia đình (có lẽ tiếng đàn ông, đàn bà dính lại từ đó) Lúc ấy chưa có cưới xin chi cả : hễ ở với nhau thì nên vợ chồng. Rồi tới giai đoạn «Bôn phối» trai gái tự do lấy nhau như trong trống quân, hễ ưng ý và ở với nhau thì ra vợ chồng, tương đương với matrimonium gốc mẹ (matri là mẹ). Đợt ba mới tới hôn phối (Mariage do Mari là chồng) với mai mối cưới hỏi và từ đấy sang giai đoạn phụ hệ xảy ra vào lúc loài người nắm vững sự sản xuất thức ăn đều đặn, rồi được tích trữ để dành lâu. Đây là lúc thuần phục được con vật, mà Đông Á chỉ bằng Phục Hi và là lúc biết gieo hạt giống chỉ bằng Thần Nông. Từ đấy cha mới có địa vị trong gia đình và dần dần lấn át mẹ. Phụ hệ mới xảy ra chừng dăm sáu ngàn năm nay. Chứ tự ban sơ trải qua hàng nhiều trăm ngàn năm chỉ có Mẹ con chứ không có cha con, và đó là điều giải nghĩa tại sao nguyên lý mẹ lại nổi bật ở khởi thủy.

22.

Nguyên lý mẹ là nói theo tiếng ngày nay, chứ xưa kia gọi là thời các Thần Nữ. Do đấy ta có được những ấn tích để theo dõi sự tiến triển của hai nguyên lý Mẹ Cha mà Nho gọi là khôn cần.

Nhìn vào xã hội thái cổ ta thấy liên sự trôi vượt của biểu tượng trăng, mà trăng gắn liền với thần Nữ, nên tôn thờ trăng cũng là tôn thờ Mẹ. Điều dễ nhận xét là trăng đi trước Nhật và thường mang dấu đực như ông Trăng còn nhật giống cái (thái dương thần nữ). (cách gọi ông bà trời không thuần nhất vì tùy vào thời đặt tên là mẫu hệ hay phụ hệ). Dân Eskimo tôn thờ mặt trăng Aningahk được coi là cao cả nhất. Phụ tá coi về thực phẩm có tên là Sedna cũng là trăng. Nhật không có phần nào cả. Với dân da đỏ Tlinkit thì nhật là vợ của trăng và bị coi như bà con nghèo (mothers 333).

Thần Thiên vũ xà = Quetzalcoatl được thờ ở Toltec và Astec là thần trăng và cũng như quỳ long và giao long là tiền thân của tiên rồng (chim = quetzal, rắn = coatle). Riêng ở Incas thì phải tưởng giả ép buộc dân chúng thờ nhật, nhưng dân chúng vẫn thờ thần trăng Cons và Pachacama (Mothers 338). Đó là thoáng nhìn vùng Thái Bình Dương, nhưng có thể nói trên thế giới kể cả vùng Địa Trung Hải cũng đều thế. Vì các Nữ thần Isis, Ishtar, Demeter, Artemis, Aphrodite... đều mang phẩm tính của mặt trăng và được tôn thờ như Mẹ Vu 177 trụ, hay là mẫu thân phổ biến (great Mothers) và đã xuất hiện lâu trước các thần mặt trời hay Trời. Việc này chỉ đến sau như dấu khởi đầu du mục phụ hệ (Mothers 377)

23.

Trăng được thờ như nguồn mạch mọi linh lực (mana) mọi quyền lực pháp môn nên trăng được kể như chủ mọi cuộc biến hóa. Trăng thường được xuất hiện với số 3 và được giải nghĩa là ba thời của trăng : trăng khuyết hai bên, còn giữa là trăng tròn (Mothers 287). Nhiều nơi như Phenicia, Carthage hay Crete thí là ba cây cột mà bên ta thay bằng ba đầu rau : hai ông một bà, cùng một kiểu nữ Oa làm chủ ngự giữa Phục Hi và Thần Nông, nên ba đầu rau được kể là là ba thần nữ (hai ông đ 8ợc tham dự chức tước của bà) Trăng cũng năng xuất hiện với thập tự nhai được giải nghĩa như tứ chi kéo dài của tuần trăng Hina, cũng có khi được giải nghĩa như cây hằng sông. Thập tự nhai hay đi đôi với các vị tế tự mặt trăng cũng như là dấu hiệu của các thần nữ Ishtar hay Aphrodite (Mothers 341). Cứ theo luật chung thì tư tế là các bà. Trăng cũng xuất hiện với con số 14 kiểu như thần Osiris bị thần sét sẻ ra 14 mảnh, được giải nghĩa là hai tuần trăng sóc vọng hay hay là một nửa tháng trăng có 4 tuần, 28 ngày (so với 14 tam giác gốc trong Trống đồng và Hình trang 287 Mothers).

24.

Có một điều nhận xét khác là các con vật được dùng để tế đi với thần nam thường to và là những vật dữ sẵn trên rừng (cách tế cũng tàn nhẫn : đốt, đóng đanh); còn đi với thần nữ là những con vật nhỏ, phần lớn đã được thuần phục như chim, chó, mèo, thỏ,..Trong đó có trường hợp mèo và thỏ thường dẫm chân lên nhau. Theo bảng thập nhị chi miền Đông Nam Á thì Tào nhận thỏ cũng như hầu hết các nước khác trong miền, trừ Việt nam là nhận mèo. Xét theo nhân chủng học thì cả thỏ cả mèo đều đã xuất hiện trong thời thờ trắng. Riêng về mèo bên Phi châu mạn tây được tin là có chín đời sống và có mắt sáng ban đêm cũng xem thấy (Mothers 297). Trong sách lễ ký (iX.29) thấy mèo được tế cùng với hổ, còn thỏ thời không. Mèo được Việt nam chọn có lẽ vì hợp với tên Việt hơn, bởi việt là vượt lên trên mà mèo thì trèo mau lắm. vượt lên như vậy để dọn đường cho rồng bay lên trời.

Nói đến rồng là nói đến xà long tức là rắn vốn nổi bật trong huyền thoại và có đầy truyền là rắn đã đánh tráo khả năng trường sinh của con người. Có nhiều dịch bản hơi khác nhau, nhưng đại khái thì con người xưa có da như da rắn, tức có da cứng rồi từng kỳ thì lột da cũ để có da mới mềm mại hơn, nhờ vậy mà sống mãi. Nhưng sau

bị rắn đánh tráo nên mất da có vảy (còn sót được chút xiu ở đầu ngón tay ngón chân). Rắn là tên chỉ loại bao gồm cả giao long, ly long, câu long, và ma cà rồng...

Tóm lại các yếu tố triết Việt được thấy đầy đủ trong thời thờ trắng : từ tiên rồng đến vai Mẹ nổi nang, qua tả nhậm, đến các số 2,3,5,9. Và tất cả còn lưu ảnh hưởng bên Việt Nam nhiều hơn bên Tàu./.

VII. TỪ THỜI TRỰC PHỤ HỆ TRỞ VỀ THỜI TRỰC MẪU HỆ

25.

Thời Mẫu hệ bị phụ hệ đẩy lui thì thần trăng cũng bị thay bằng thần Nhật. Nhật là thần nam, khác thần nữ ở chỗ tìm công chính và gia tăng quyền lực nên lấn át thần nữ. Tuy nhiên thần nữ biểu thị lòng lân tuất yêu thương (Mothers 354) đã có rất lâu đời trước, nên cũng còn để lại được nhiều đức tính cho nam thần. Nhiều lễ thờ nhật được cử hành ban đêm (như mặt trăng). Các phẩm phục mặc khi tế tự thì còn giữ y nguyên kiểu các bà. Nhiều nơi còn đi xa hơn nữa đến độ trong cuộc tế tự có cả màn nhà tư tế lên giường nằm kêu rên như bà đẻ (Mothers 276). Có những việc nhảy múa vốn đi với thần trăng, sau này cũng còn giữ lại nơi tế thần mặt nhật. Cái mà ta gọi là cuộc nhảy múa (như trên mặt trống đồng) chính là cuộc tế tự đó, và nhà tư tế cũng gọi là ca vũ viên (Mothers 340) nhảy múa để biểu lộ sự vui sướng tung bừng vốn đi với thờ mặt trăng hiền dịu và là nền cho nét an nhiên thư thái, sống như chơi sau này mà ta nhận thấy trong Việt Nho. Thần Manitu đầy linh lực (magic power) được đa số dân da đỏ thờ thì

có tính tình vui vẻ hay nói đùa và thường trêu chọc à chơi khăm mặt trời (Mothers 336) làm liên tưởng đến thần Leela bên Ấn độ và Hoá nhi đa hí lộng bên Đông Á. Xem ra cả ba là do nền Minh Triết cổ xưa đều đề ra lối sống như chơi của triết Việt.

26.

Nói tóm sự chuyển từ mẹ sang cha đã xảy ra khắp nơi trên hoàn vũ. Nhiều nơi Mẹ hầu bị chôn táng hẳn. Càng văn minh thì mẹ càng mất quyền lực. Những nơi văn minh nhất là các chốn có tụ hội đông như thành thị văn minh hơn thôn quê. Thôn quê thì văn hóa hơn thành thị, tức nhà quê giàu yêu thương, thực tình hơn... Càng văn minh thì quyền cha càng lấn lướt : ấn tích rõ nhất là các thần thoại thay nhân thoại với chủ quyền về tay thần, người chỉ còn là con vật hi sinh.

Xét đến cơ cấu thấy rõ đó là do phụ hệ nghiêng về quyền lực nên các thần thoại đều đặt nổi quyền uy, đều nhấn mạnh trên sự phục tùng với hình phạt ghê gớm dành cho những kẻ không vâng phục. Quyền tuyệt đối được gom vào tay một thủ lĩnh mạnh, gây ra giới vô sản, nhân đó có đẳng cấp, có chuyên chế, có chiến tranh với những nghệ thuật khổng lồ (để tăng quyền uy) nghiêng

về sự chết... Tình trạng này xảy ra trong hết mọi nơi, trừ bên Đông Á có nhân thọ đa 37t nổi đức tự cường, tự lập của con người, đó là do Mẹ chuyên lo hạnh phúc cho con không phân biệt, nên không có chế độ nô lệ, không có vô sản, không có âm phủ, chỉ có cõi tiên.... Cõi tiên hầu hết là tiên nữ. tiên nam ít thấy (hình như có nhưng ở cả dưới hầm rượu chẳng) Nhờ thời Nữ thần kéo dài, nên khi phụ hệ lên thì những nơi hẻo lánh như các đảo Thái Bình Dương, những bộ lạc sống trên núi rừng xa cách còn giữ được hầu nguyên vẹn nguyên lý mẹ. Những nơi đông người như Tàu, Ấn độ, Mã Nê thì nền tảng còn mẹ có thể đến độ 50 hay 60%. Bên Tàu có thể đến 70% nhưng dù không đến thế thì cũng còn hơn bên âu tây, nơi Nguyên lý Mẹ chìm hầu mất tích.

VIII. BA ĐỢT TRỰC

27.

Trong quyển «Dẫn vào lịch sử» Karl Jaspers có nói đến thời Trục (période axiale) xảy ra quãng từ 800 đến 500 năm tr.tl. với những tên tuổi xuất chúng như Socrates, Plato, Aristotle bên Âu tây, bên Đông Phương thì như Khổng tử, Lão tử, Trang tử. Bên Ấn độ thì như Mahavir, Phật thích ca Mâu ni... Tất cả chứng tỏ thời kỳ rộ nở của tâm thức con người. Tuy nhiên nói chung thì chưa hẳn là đỉnh cao trí tuệ vì chưa đạt đợt nhân thoại mà còn để lẫn đầy chất thần thoại. Biểu tượng rõ nhất là Prométhée vì muốn có chút lửa đưa tự trời về soi cho trần gian mà phải ăn trộm, rồi bị bắt và bị đóng đinh trên núi Caucase. Các nhân vật trong Iliad cử động y như những thằng phỗng do thần giật giây, thiếu hẳn nét tự cường, tự lực. Đây là cung cách mà cho tới nay con người thường đáp ứng như vậy, tức con người thường nép mình dưới bóng thần minh, gọi là thời bá vật. Nếu không thì cũng chỉ lên đến đợt ý hệ của lý trí hàng ngang rồi cuối cùng vẫn bị vật sai sử. Nói khác Thời Trục mà K. Jaspers nói đến chưa đạt nhân thoại, bởi con người vẫn bị vong thân,» cõi người

ta» vẫn bị bỏ trống. Triết học tây âu thì duy lý trùu tượng, hơn kém làm con sen cho thần học. Như thế rõ ràng đó chỉ là Thời Trục hạng thứ. cần tìm ra Thời Trục trên nữa.

28.

Với Đông Á thì Thời Trục thượng thừa thấy được khá rõ với những tên tuổi lẫy lừng như Bàn Cổ, Huĩ Sảo. Toại nhân rồi đến Phục Hi, Nữ Oa, Thần nông. Đó là đợt cúng cực.

Xuống một đợt thì như Ngũ Đế hay nhà hiền triết Ta Nê hoặc Hùng vương bên Việt. Bên Ấn thì như Patanjali với Yoga, Shiva Devi với Tantra, rồi đến Upanishad. Tất cả đều đã đạt thành tích vũ trụ, tức vũ trụ quan nhân thoại rất thuận lợi cho nền độc lập của con người, như được chứng tỏ trong máy thực hiện lớn lao là xã hội không có đẳng cấp hay giai cấp, mọi người đều được hưởng tự do nền tảng, dù ta có gọi đây là đệ nhị Thời Trục thì vẫn còn cao hơn Thời Trục mà K. Jaspers nói đến trong quyển «Dẫn vào lịch sử» nhiều lắm. Đó chỉ đáng tên là Thời Trục hạng ba.

29.

Về những ân ích hai Thời Trục nhất nhi thì ta có thể lấy văn Thao Thiết làm khu nữ (axe).

Thao Thiết được các nhà nghiên cứu coi trọng như đỉnh cao nghệ thuật cổ sơ, mà thể chất nghệ thuật không đâu so sánh nổi, kể cả các đồ đồng tròn hảo của Hi Lạp (thua trong nét nhún nhảy, trong thể lượng đồ sộ) nhưng về ý nghĩa của Thao Thiết thì các nhà khoa học đều chịu xếp bút : cho là bí ẩn, y như về nét song trùng Bắc sơn. Nhưng nhờ đối chiếu với các ấn tích của Thái bình Dương tôi cho rằng đó không những là đỉnh cao Mỹ thuật mà còn là một lâu đài văn hóa có thể đặt ngang với trống đồng. Đó chính là một trong những thần cao cả của Thái bình Dương đang trong thời kỳ biến thể để sẽ kết tinh ra tiên rồng. Đó là vật linh mà Việt nam gọi bằng tên Ma cà rồng. Ma cà rồng của Ấn Nê và các Nê khác ở miền New Guinea, New Britain, Rook... gọi là Mako hay là Maka. Việt Nam thêm chữ rồng vào vì Maka chính là giao long (cá sấu) mà mọi người đều coi là linh thiêng cao cả. Cũng có nơi gọi là Kopi ravi và thường được nhắc tới bằng chữ munu có nghĩa là «Nguyên lý sự sống bởi trời. Ma Cà rồng được dùng trong nghi lễ điểm đạo tái sinh. Người ta đưa thanh niên tới nơi hành lễ. Những người điểm đạo bịt mắt anh lại

rồi vắt vào hàm của con giao long đan bằng một thứ cây mềm (cây mây thí dụ) có trang trí lông chim. Lúc đó bên trong có tiếng như bò rống kinh hồn, đang khi cha mẹ đứa trẻ van xin đừng giết con tôi. Bấy giờ chủ tế mới ưng thuận cho nhả môi ra. Cũng có nơi Ma cà rồng chỉ ngoạm đối tượng vào miệng một lúc (như thấy được trong ảnh Thao Thiết kèm theo. Lễ nghi mỗi nơi có khác chi tiết, nhưng đại để thì Ma cà rồng được trọng kính cùng cực, cũng như khi đối tượng được nhả ra thì mọi người đều cho là đã đầy linh lực (mana. Có thể chữ mana cùng một gốc với ma cà rồng).

30.

Những trang sách trên là tóm lược từ quyển The Mothers của ông Briffault (trang 322-3) giúp ta khám phá ra ý nghĩa văn Thao Thiết thường dịch là kẻ háu ăn (glouton). Sự thực đó là ăn người trong lễ tái sinh, tức là nuốt vào bụng (làm cho «chết đi») để rồi tái sinh là lè ra con người mới căng thẳng linh lực. Ngày nay Thao Thiết đã mất ý nghĩa, trở nên đồ trang trí và bị gọi là háu ăn, mà không biết đến chỗ người được ăn để có đầy tràn linh lực. Hai mắt Thao Thiết lồi bật ra ngoài tỏ rõ đó là cặp mắt giao long. Tại sao lại dùng hình dạng quái đản đáng sợ như vậy để chỉ thần linh. Thừa vì người

xưa quan niệm thần minh như cái gì u linh đáng kính sợ, quan niệm nguồn mạch mọi sự như cái gì thâm sâu đáng kính sợ. sự có sinh bởi sự không, sự sống sinh ra từ sự chết, ánh sáng phát ra từ đêm tối âm u, nên nói, quan niệm sự có sinh ra bởi không, âm trước dương và âm gắn liền với dương. Theo đó con người đầy đủ được quan niệm gồm cả quỷ cả thần (nhân giả quỷ thần chi hội). Nay ai gọi ta là quỷ ta giận lắm mà không ngờ rằng quỷ là thành phần nền tảng, bỏ đi thì hết là người. Nói thật chối quỷ trong người thì y như bỏ dây nguội trong điện chỉ giữ có giây nóng : điện đi bùng luôn.

31.

Thế là ta biết được nguồn gốc tiên rồng của Lạc Việt là sự thăng hoa của lễ điểm đạo trải ra nhiều đợt biến chuyển, mà vật tổ chứng nhận là Thao Thiết, là ma cà rồng có trang sức lông chim, bên Mỹ châu nơi Toltec và Astec là Thiên vũ xà (Quetzalcoatl= bird serpent.) Người da đỏ vào Mỹ trước đây quãng từ 12-31 thế kỷ tr.tl, thế mà đã có yếu tố để thành hình thiên vũ xà thì ta biết gốc tiên rồng cổ đã lâu đời đến chừng nào. Căn cứ vào Thao Thiết mà trước nay quen gọi cho tộc Thương thì rõ ràng là văn hoá Thái Bình Dương đã có mặt ở trên miền bắc đó.

Học giả Karlgren đã thu thập được hơn năm trăm Thao Thiết và phân loại ra nhiều giai đoạn : có Thao Thiết hình bò, có Thao Thiết giải thể, có Thao Thiết biến ra quỳ long... Hình bò có lẽ thay thế cho một số hình trước coi như hổ (do đó có tiếng Hổ phù ?). Thực ra thì con vật không ra bò, không ra hổ, không ra chó, mặc dầu có những tiếng cầu long, long mã... Đó là giống đang biến dạng mà ở mạn nam các nhà nghiên cứu gọi là aso-tiger, asodog. Còn hình tan rã là thời sửa soạn thăng hoa đợt nữa, đây đang là đợt lý trí phân chia ra những hồi văn gãy khúc bên tàu, hay hồi văn uốn cong bên Việt Nam để cuối cùng trở thành tiên rồng. Như vậy tiên rồng là kết tinh của một chuỗi diễn đề dài lâu của giao long và chim trĩ mà những hình thức ban sơ là Thao Thiết, là ma cà rồng và Thiên vũ xà bên Astec.

32.

Thao Thiết là cái đỉnh trong lễ Diễm Đạo tái sinh. Lễ này sau được thăng hoa ra lễ Thành Đình bên Lạc Việt, rồi lễ Gia Quan bên Khổng giáo. Ở lễ Diễm Đạo đối tượng bị đánh đập hành hạ, nhiều khi cắt xẻo, có cả trường hợp trở nên bất lực, đôi khi có cả chết. Người xưa làm thế vì tin rằng phải có cái gì thực sự chết đi mới có được tái sinh chính cống, mới thu được nhiều

linh lực (mana). Khi nghiên cứu về thời thái cổ ta hay gặp sự 139 khắt khe có khi đến tàn bạo trong việc nên người được chú ý như trung tâm của kiếp người, nên mới có những cuộc đánh đập hay sát sinh mà ngày nay ta không thể tưởng, như việc thiêu chết cả hàng trăm trẻ em. Có thể những cái đó do một thời xa xưa hơn nữa ở giai đoạn còn hoàn toàn bái vật và rất có thể những bạo hành, những sát tế đó đại diện cho ngành thanh giáo, lấy» cương thắng nhu» rất dễ rơi lại thời bái vật, ngược với lối âm nhu của Mẹ lấy «nhu thắng cương» thì nhẹ nhàng thanh thoát để đi lên tâm linh, sẽ bàn đến ở chương V.

Quan sát văn hoá Thái Bình Dương ta thấy sự bạo hành trong lễ Điem Dao chỉ là ngoại lệ, còn nói chung thì đều đi lối âm nhu theo đường nhân chủ và đã thăng hoa ra lễ thành đinh nơi Lạc Việt, tức là lúc người trai trẻ chấm hết tuổi Xuân xanh để bước vào thời Đinh tráng. Trong lễ không hề có đánh đập mà chỉ có các cuộc thi : thi trèo cây, thi chạy, thi vừa chạy vừa nấu cơm vv Đến lễ gia quan thì đã thăng hoa cùng cực; chỉ còn có những lời cha nói với con cách hoàn toàn a n vi nhân chủ như : «Cư thiên hạ chi quảng cư. Lập thiên hạ chi chính đạo. Phú quý bất năng dâm. Bần tiện bất năng di. Uy vũ bất năng khuất» Tuyệt nhiên không một lời hứa hẹn hay đe dọa nào. Nhân chủ đến vậy là cùng cực.

Trong nghĩa tương đối ta có thể gọi đây là thời vàng son của con người. Ngoài xã hội không có chế độ nô lệ, không có vô sản. Trong gia đình có lễ nghi trao lại quyền tự chủ cho con cái đến tuổi trưởng thành./.

IX. NHỮNG HUYỀN SỐ CỦA THỜI LẬP ĐỨC LẬP CÔNG

33.

Những điểm trên chứng tỏ lễ điểm đạo đã đặt chân vào ngưỡng cửa tâm linh. Xin nhắc lại triết An vi chia tâm thức con người ra ba giai đoạn : Bái vật, Ý hệ, Tâm linh. Từ bái vật lên tâm linh phải đi qua lý trí, nếu không qua lý trí bằng học hỏi phản minh thì dễ rơi vào cảnh trầm không u tịch. Nếu dính vào duy ý thì ra ý hệ mà truyện cổ Việt gọi là con ba ba vì ngậm hạt ngọc nên không tiến được. Những người theo chủ thuyết nào mà dính vào đó thì bị chủ thuyết bịt mắt không thấy được chi ngoài. Còn qua được giai đoạn đó thì lên Tâm linh. Dấu qua được là có cơ cấu. Cơ cấu cũng là một thứ hệ thống, nhưng hệ thống mà không hệ thống, tức vẫn để quyền tự do quyết định cho mọi người : chẳng phải theo chủ thuyết hay luật pháp nào, chỉ có dăm ba bộ số chi đường. Các số đó không chỉ số lượng, mà chỉ những chân lý nền tảng. Sách Đại đài lễ ký ghi : 1 trời, 2 đất, 3 người. Theo đó thì trời số lẻ, đất số chẵn, người tổng hợp cả hai chẵn lẻ. Chẵn lẻ rất quan trọng để chỉ hai đôi cực, và vẫn đi đôi để chỉ sự Thái Hòa lưỡng nhất riêng

biệt của Việt Nho. Bộ số quen được dùng hơn là 2,3,5 trong đó trời 3, người 5, đất vẫn số 2. Số có thể thay đổi nhưng chẵn lẻ thì y nguyên : lẻ nhỏ là trời, lẻ lớn là người. Mỗi khi gặp những tập hợp kỳ lạ thì nên tìm ý nghĩa chứ đừng lo đo đếm, thí dụ 18 đời Hùng vương, Bàn Cổ cai trị 18 ngàn năm. Chim Lạc Địch có 8 cánh 1 chân... thì phải tìm ra ý nghĩa, nhưng cũng không nên ép nghĩa vì cũng có trường hợp số chỉ xuất hiện như con dấu chỉ chân lý quan trọng, hoặc như con dấu chủ quyền.

34.

Thế là chúng ta đã liếc nhìn về thời thái cổ tuy rất vất vả, nhưng tạm đủ tóm thâu được nét cốt yếu hơn hết trong thời uyên nguyên mà sau Nho gọi là thời Đại Đạo, Cái Đại Đạo ấy gọi là Đường đi= the Way, là Đi= the Going hiểu là chỉ có làm, làm tự động, tự cường, làm đến chỗ cùng kỳ cực. Hầu không có lời. Cái có thể gọi là kinh điển cũng không có lời, không có chữ, nên gọi là «kinh vô tự» thí dụ Sách Ước Gậy Thần chỉ có vài biểu tượng, như hàm ý rằng chỉ cần vài ba dấu hướng dẫn rồi tự mình mình làm, thành ra việc làm toàn vâng theo những chỉ dẫn căn bản Tai họa về sau là nói nhiều, càng ngày càng nhiều lời thêm, làm che

mất Đại Đạo và trở nên thường nghiệm, nghĩa là làm theo những mệnh lệnh cấp tình cảm hay lý trí. Đó gọi là vong thân, cũng gọi là vong bản, vong Đại Đạo, không đến được chỗ chí thiện. Đường lên đến chí thiện phải trải qua ý, tình, Chí. Hầu hết con người khởi đầu bằng một thứ tình cảm chưa được gạn lọc xuyên qua lý trí, chưa đáng gọi là tình, mới là cảm xúc, nên đi vào nẻo Bái Vật (sùng mộ). Sau đó thầy bái vật thiếu nên mới đi hẳn sang lý trí đến độ duy trí : kết quả là rơi vào thuyết nọ thuyết kia rất rậm lời, rậm ý, tệ hơn nữa là rơi vào ý hệ làm cho mù quáng, chẳng còn thấy cái chi ngoài ý hệ mình theo. Hiện nay nhân loại đang trải qua giai đoạn khủng hoảng, tức là đang vỡ mộng (desillusion) để sửa soạn vào thời «du cư nghệ» mà triết lý an vi gọi là «sống như chơi». Đó là con đường thường tình mà những dân văn minh trải qua, và thường trình bày thành bốn đợt: 1/ L'émotionnel. 2/ Métaphysique 3/ désillusion. 4/ Esthétique. (Số 3 không cần, hoặc đã cho thì phải cho một nữa sau 1/. Bảng này về nội dung có thể giống bảng của An Vi (1/ Bái vật. 2/ Ý hệ. 3/ Tâm linh) miễn bỏ mục Vỡ mộng. Nên nhận xét rằng sở dĩ có Bái vật và Ý hệ là vì những nhu yếu không được đáp ứng. Đâu có Nho là không có Bái vật về Ý hệ vì mọi nhu yếu thâm sâu đã được đáp ứng rồi.)

35.

Vậy khi về thăm quê mẹ ta không gặp thời Bái Vật hay Ý hệ, mà gặp liền giai đoạn sống như chơi (esthetique). Đúng ra thì cũng có những tác động lẻ tẻ thuộc bái vật kay ý hệ nhưng không đủ để làm nên một thời hay môi sinh. Ở đây là môi sinh an vi thanh thoát như được minh họa cách rục rờ trong trống Đông Sơn : nơi có cuộc sống tung tăng như cá nước, và nhón nhơ như chim trời, phản chiếu đúng cái vũ trụ quan không có trời đánh, thánh vật, mà chỉ có «Hóa nhi đa hí lộng» (Manitu của dân da đỏ, Leela bên Ấn đều cùng một gốc). Đến lúc soát lại con đường đã đi thì quả là đúng Đạo gồm đủ cả ba yếu tố là : Ý, Tình, Chí.

A] Ý : ý thuộc Trí đi đầu, theo đúng thứ tự «trí, nhân, dũng» : Trí đầu tiên. Vì khởi bằng Trí nên tránh được Bái vật. Chứng cứ là không có thần thoại, chỉ có nhân thoại, và trong toàn khối hầu không có thần quyền chuyên chế.

B] Tình : thì thật là chí tình. Còn gì thâm thiết và mênh mông cho bằng tình mẹ. Thật là bao la như biển Thái Bình Dương, và trong thực tế cả Thái Bình Dương bát ngát đều là vương quốc của Mẹ, nên hết mọi con đều được hạnh phúc sống dưới bóng Mẹ hiền : không một ai phải vô sản, hay phải nô lệ.

C] Chí : chí đây là chí Nhân, chí tác, chí hanh của một nền nhân chủ oai nghi vô cùng được biểu lộ cách huy hoàng không thể hơn được : «Hỗn mang chi sơ Vị phân thiên địa,. Bàn cổ thủ xuất Thủy phán âm dương.» Thật là nhân chủ cùng cực : tự cường, tự lực đến trời đất cũng không kể tới. Thật không thể mở đầu nguồn gốc một nền Minh Triết hay hơn./.

Trên đây là thời thái sơ Đại Đạo. Hai chương III và IV sẽ cho thấy từ Đại Đạo trụt xuống nhân nghĩa như thế nào. Chương III do duy lý, chương IV do phản động lại lý trí. Chương V cổ nói đạo xưa bằng đường ý, tình, chí.

X. TRỞ VỀ TÔ THẨM QUÊ MẸ

Cuộc du nhập từ phía tây nam

1.

Tây Nam đây là Ấn độ đối với tây bắc là u châu. Đó là hai nền văn minh đối lập như một không một có kẹp lấy Đông Á ở giữa gồm cả có lẫn không. Bài III đã nói về cuộc xâm nhập của văn minh du nhập của cực vô từ Tây Bắc mang số 4-1. Chương này sẽ nói về cuộc du nhập của cực vô từ Tây Nam, mang số 1-4 với đại diện là Phật Giáo. Phật Giáo là một thực thể rất phiền toái vì vừa là một nền triết vừa là một tôn giáo và tuy phát xuất từ Ấn Độ nhưng hồn lại từ Đông Á, lại du nhập vào nhiều nơi như Tàu, miền Đông Nam (các nước tiểu thừa) và Việt Nam. Chính sự du nhập ở nhiều nơi này giúp tìm ra những nét then chốt trong Phật Giáo, giúp cho thấy mối liên hệ giữa Phật Giáo và Việt Nam có tính cách họ máu hàng dọc, được chứng tỏ bằng những lâu đài văn hóa cao cả không đâu có được như vậy.

Xứng đáng là mô thức cho các cuộc giao thoa văn hóa khác. Ta sẽ lần lượt xét sơ qua.

2.

Ấn là xứ tạp chủng gồm hai thứ dân chính là Dravidien và Aryan Dravidien là dân bản thổ cư ngụ trên đất Ấn đã từ rất lâu trước, với nền văn hóa nhân chủ của các dân cổ sơ Thái Bình Dương.

Rồi tới vài ba ngàn năm trước Tây lịch thì có dân Aryan từ phía Tây Bắc xâm nhập. Họ thờ thứ tôn giáo báỉ vật hoàn toàn vụ ở nghi lễ, không có chút chi kiêu thiên : hoàn toàn hữu vi thờ ba thần khí tượng là lửa, sấm, đất (Agni, Indra, Surya) VỚI với thính bốc đồng hay thay đổi, y như các thần khí tượng đầy óc chuyên chế, du mục. Chính óc du mục này đã hướng dẫn nền thống trị của Aryan trên đất Ấn bằng đặt ra đẳng cấp, tiêu diệt tinh thần nhân chủ của dân bản thổ kết tinh trong nhân thoại Manusya và đã giúp cho Veda vươn lên đột cao hơn thành Ấn Giáo với ba thần mới có tính cách vũ trụ đó là Brahma, Vichnou và Shiva. Tuy nhiên chưa được cao tột cùng, nên còn cần một cuộc cách mạng mới là Upanisad.

3.

Upanisad được dịch là «áo nghĩa thư» hay là «sách rừng» vì chống nghi lễ tôn giáo Balamon, nên thầy trò phải nói nhỏ vào tai nhau, hoặc đưa ra nơi vắng vẻ (trên rừng, thí dụ) để tránh sự dòm ngó của thần quyền từ nay gọi Là BALAMON. Upanisad đã vươn lên tinh thần nhân chủ trong câu kết tinh «Tat van asi = cái đó chính là mây, chính mây là cái đó». âu này giống như câu trong nho «thiên lý tại nhân tâm». Nhưng bên Nho không có tính chất cách mạng ví đây là miền của nhân chủ : ai cũng có thể cảm nghĩ như vậy rồi. Người nói lên được câu đó chẳng qua là có ý thức sâu sắc hơn, nên gọi tên sự thể ra được vậy thể thôi, không có nguy hiểm gì hết, vì không có thần quyền không có hàng tăng lữ. Còn Ấn Độ thì không những có hàng tăng lữ mà còn nắm cả quyền cai trị, nên cũng là một thứ vua thần, nhưng tỏ ra trong một đẳng cấp, nên nguy hiểm hơn cho cách mạng. Vì thế mà thầy trò phải rỉ tai nhau, nói kiểu bí mật gọi là «áo nghĩa thư», hay đưa nhau lên rừng gọi là «lâm thư». Đây là những kiểu đánh du kích ầm ầm nấp nấp, nên đã tác động mạnh làm cho Veda phải biến đổi dần để trở thành tôn giáo Balamon thay cho Veda. Chính nhờ vào sự va chạm với văn hóa Dravidien mà tôn giáo Veda bỏ được bộ mặt thô đại của đấng thần khí tượng để vươn lên đấng phổ biến. Nhưng đây là thứ

phổ biến một chiều duy tâm, nên không gây ơn ích cho xã hội tức không phá nổi đẳng cấp, thành ra cũng không có dân chủ và đa 3ng cấp, cứ tha hồ đâm rẽ sâu hơn đầu hết.

4.

Do đây cần có đột cách mạng thứ hai của Upanisad mà đỉnh cao chói vót là Đức Thích Ca với câu nói đầy tự lực tự cường «Các bạn hãy tự thấp đuốc lên mà đi» câu này thương đương với câu «tại mình mình đức» trong Đại học. Có thể đây là tiếng trả lời cho câu hỏi do Upanisad đặt ra. Upanisad biết được chính con người là «cái ấy». Chính mình mang cái đức sáng ấy (mình đức), cái ánh linh quang của trời ngay trong mình. Vậy thì phải làm gì bây giờ đây ? Thừa «hãy tự thấp đuốc mình lên mà đi» hiểu là sự cứu rỗi không ở trong việc tế thần lửa, không trong nghi lễ rườm rà tốn kém, mà chính ngay trong việc tự mình làm lấy, ai cũng làm được : ai cũng có Phật tính trong mình, chỉ cần nhận thức ra là được. Thế là nhất định nhận thức, nhất định thấp đuốc, nhưng thấp bằng cách nào ? Thừa vào tầng hội đang được hình thành chung quanh Phật tổ, nếu có phải bên Đông Á thì thừa tại «tu, tề, trị, bình». Nhưng bên Ấn không có th ứ môi sinh nhập cuộc đó mà chỉ có thứ môi

sinh xuất thế do Phật tổ lập ra đó là tăng hội một trong tam qui : «Quy y Phật. Quy y Pháp. Quy y tăng.»

Đây là đợt phát triển đầu tiên gọi là tiểu thừa được khai mạc trong bài giảng chuyển pháp luân.

5.

Đợt sau gọi là đại thừa cho rằng tiểu thừa mới «độc thiên kỳ thân» còn có thể tiến xa hơn được, đó là đợt «tự giác nhi giác tha» với hạnh Bồ Tát là hoãn vào Niết Bàn, để cứu độ hết thảy chúng sinh trước đã. Đó là quan niệm của đại thừa. Đại thì to hơn tiểu rồi chứ gì, nhưng lại không được coi là cao hơn do tinh thần tiểu thừa còn đứng vững. Tinh thần này lấy việc thoát khỏi bánh xe luân hồi làm cứu cánh, nên không coi trọng bất cứ việc nào, vì hễ còn có việc thì còn sinh quả, mà đã có quả thì lại phải trả quả gọi là trả nghiệp : không vào được Niết Bàn. Có phải vì thuyết đó hay là hoàn cảnh không cho phép mà Phật không lên án chế độ nô lệ đã được Balamon đặt vào cơ cấu tinh thần tức phải sinh ra tự thân thể Brahma mới được kd là người tự do. Theo ông W. Durant (Civ I. 396) Phật làm ơn cho Balamon trong đó nên tuy Phật giáo là một cuộc cách mạng, mà không làm lung lay nền tảng đẳng cấp do Balamon thiết lập.

Về sau Balamon xuyên qua triết gia Shankara còn bòn rút hết tinh hoa Phật vào làm phong phú cho đạo mình. Có lẽ lý do sau này đúng tức Phật thấy không làm chi được Balamon nên không đụng đến cơ cấu triết lý để đổi đời, mà đi liền vào tu trì, đi vào tâm lý; còn về cơ cấu triết vẫn hầu như nhận hệ thống tứ tổ của Samkya. mà đã không đổi cơ cấu thì xã hội vẫn nằm trong tình trạng cũ mặc dầu tinh thần đã đổi, nhưng không tác động được vào thể chế, nên kể là duy tâm và vẫn không phá được sự chia đôi hai bờ. Lẽ này có thể đúng hơn vì về sau ta thấy Balamon đã tổng khứ Phật Giáo ra khỏi Ấn Độ (bằng cách cấm mọi nghề, chỉ cho làm giày dép, nhưng giày dép phải có gia, muốn có gia phải sát sinh... Phật giáo làm sao nổi) và Balamon vẫn nắm độc quyền văn hóa của kẻ thống trị tuyệt cùng. Tiếng Sanskrit đẹp thực, nhưng cũng là một quái tượng vì có những động từ lê thê, 34 mẫu tự dân chúng không thể hiểu. Còn di hại sâu xa ở chỗ rút tinh hoa Phật vào làm giàu cho Balamon khiến không ai thấy cần theo Phật vì những giá trị của Phật đã «có» trong Balamon rồi, không ai có thể dựa vào Phật mà công kích Balamon nữa. Dân làm sao hiểu được chỗ lắt léo đó.

6.

Phật Giáo là đạo từ bi cao độ, đầy ấp nguyên lý Mẹ, lẽ ra không có sự kỳ thị phụ nữ. Vậy mà sao lại có, thì đó là điều ta cần phải tìm biết mới hiểu được tầm mức cách mạng trong vụ Phật Mẫu bên Việt Nam. Vậy ban đầu Phật giáo không nhận đàn bà vào hàng tăng lữ là vì bầu khí của Balamon kỳ thị đàn bà như lối du mục duy dương. Sinh con trai thì nào kẹo, bánh, nào nển hoa chẳng kèn thổi; còn sinh con gái thì chẳng có một tí gì, ông bố ngồi dài mặt ra thuần thuật. Không buồn sao được vì sau này đi lấy chồng thì bị kể như «tài sản» của chồng, nhỡ chồng chết trước thì phải lên giàn hỏa (sutee) theo chồng. Chính vì óc kỳ thị phụ nữ nặng nề như thế mà ban đầu Phật không nhận đàn bà vào tu. Sau nể bà mẹ nuôi lắm đành phải nhận vào thì tiên tri là Phật giáo sẽ chỉ chinh truyền được có 500 năm thay vì 2500 năm. Và quả thật sau 500 năm thì Phật giáo bị Balamon tống xuất ra khỏi Ấn. Lúc trước họ sợ nhất là uy tín Phật tổ quá ư lớn lao, nên không dám động đến. Lâu ngày thì uy tín kia lu mờ thế là họ đuổi, và đuổi cách tàn nhẫn kể cả đốt sống, và do đó mà Phật Giáo tỏa lên Tây Tạng, sang Đông Á tận Nhật Bản cũng như tỏa thêm xuống vùng Đông Nam Á.

7.

Phía Đông Nam chư Miên, Thái, Mên, Lào v.v.. là một bản địa không thuận lợi lắm cho Phật vì chưa nhận được nho đã công thức, lại còn bị Balamon nên chỉ tiếp nhận được có tiểu thừa, lại còn bị dưới nữa thức chỉ có cái tên là Phật thôi, chứ nội dung là Balamon : rõ nhất nơi chùa tháp (Angkorvat) mà tiền nhân ta quen gọi rất trúng là «Đế Thiên Đế Thích». Đế Thiên tức là vua thần phát xuất từ bên Iran (Perse). Thần là thiên, còn đế là vua gọi là vua vũ trụ (chakravatin). Vua thần đi với những đèn điện không lồ. Trên thế giới thì đèn Angkor không lồ hơn hết.

- Thứ đến 1 vẫn du mục cùng cực : không có một tượng nữ nào. Lệ thiêu sống bà gáo (Sutee) vẫn thi hành dài dài.

- Thứ ba hướng về cõi chết. Angkorvat chính là mộ táng xác vua thần của Đế Thiên. Còn

Đế Thích bị đày xuống hàng thứ, đã vậy còn khác cho cái tên chẳng Phật tí nào cả đó là Đế Thích. Đức Thích Ca đã từ bỏ nhai vàng rồi còn gán chức đế cho Ngài làm chi : đó chỉ là để làm bung xung che đậy chất du mục của Đế Thiên nên dân vẫn là nô lệ gần như bên Ấn Độ. Vì những lẽ đó nên miền này chỉ tiếp nhận được có tiểu

thừa tức là giai đoạn đầu, thiếu hẳn những mở mang sau này của Đại Thừa như Bát Nhã. Duy Thức rời Mật giáo. Trái lại vẫn tiếp nối tính chất khổng lồ của du mục như tháp chùa Angkorvat và Borobodour bên Ấn Nê. Dân nước vẫn bị giam cầm trong đối túng, chỉ hơn Ấn Độ được có chút đỉnh.

8.

Khi truyền vào Tàu thì khá hơn nhiều, có cả tiểu thừa lẫn đại thừa, và đại thừa đi qua cả ba chặng Bát Nhã, Duy Thức và Mật tông. Lại đã đẩy Thiền đến trình độ cao đẹp nhất như chứng tỏ trong bài ca lòng danh «Tín tâm minh» của Tăng Sán tổ thứ ba sau Đạt Ma. Chính người Ấn Độ phải công nhận bài «Tín tâm minh» vượt xa Upanisad Isa mà Isa được kể là hay nhất trong số 108 Upanisad. Rồi có Quan Âm và Đức Di Lạc với những lâu đài văn hóa cao đẹp như Thiên Thai tông hay Thiền tông của tổ Huệ Năng v.v..đủ làm nên nền giáo Phật của Tàu mà không chỉ là Phật bên Tàu như ban đầu khi mới dịch từ Ấn Độ sang chưa kịp tiêu hóa. Tuy nhiên cũng chưa là lý tưởng vì còn gặp Khổng Giáo và Lão Giáo. Lão giáo ban đầu giúp Phật giáo rất nhiều danh từ trong việc dịch kinh sách, nhưng sau đã trở nên một tay cạnh tranh lợi hại gây ra hầu hết những cuộc

pháp nạn sau này. Lại còn những đòn chống báng kết thành thuyết «Hóa Hồ» cho rằng về gia Lão đã sang truyền giáo bên Hồ (tức Ấn Độ) và trong số môn đệ thì có Thích Ca. Đàng khác mấy lâu đài văn hóa như Thiên Thai, Quan Âm, Di Lặc đều phát xuất từ địa bàn tổ Việt, và đã được tiên tri ở trang huyền sử Man Nương Phật Mẫu của Việt rồi. Trong thực tế thì Phật giáo được truyền vào Việt Nam trước bên Tàu, và được chấp nhận liền ở đợt cao nhất của Đại Thừa là cả Bát Nhã lẫn Mật Tông tức là đợt siêu việt hợp với tên Việt và nhất là đã không hề có chống đối mà còn đưa Phật giáo vào đời : hòa mình vào với việc xã hội làm cho Phật giáo nảy nở được hết khả năng tiềm ẩn chưa được phát triển ở các nơi khác, thì đến Việt Nam đã được phát triển đến độ đã kết tinh thành trang huyền sử thâm sâu «Man Nương Phật Mẫu» hàm ý rằng chỉ khi đến Việt Nam thì Phật giáo mới thực sự được sinh ra, tức được gặp môi trường thuận lợi nhất để nảy sinh những vĩ nhân cân đối siêu tuyệt như Trúc Lâm chính là vua Trần Nhân Tôn đã hai lần thắng quân Mông Cổ một đạo quân đã thắng trận cùng khắp nơi từ u sang Á mà khi xuống đến Việt Nam phải chịu thua. Chỉ vì xảy ra trong Việt Nam là một tiểu nhược quốc, nên người ta không chú ý đến sự vụ sách cân xứng, chứ thực sự đó là một kỳ công. Và kỳ công đó đã có là nhờ sự gặp gỡ giữa hai nền văn hóa Đông

Tây : Ấn Việt. Cuộc gặp gỡ đó được huyền sử gọi là biến Phật kim ra Phật mộc (xem Kinh Hùng khảo triết bài Vang Vọng nước Văn Lang).

9.

Muốn hiểu chỗ sâu xa của câu trên ta phải nại đến cơ cấu «ngũ hành» mới thấy được ngũ hành là con số 5, mà số 5 thì có đầy trong các dân và được quý trọng lắm vì nó biểu thị phép hôn phối, nhưng lúc xét thấu đáo mới thấy không phải như thế, vì sự thực nó chỉ là tứ tố. Đợi khi có thêm khí thứ 5 như Sankhya bên Ấn Độ hay Aristotle bên Hy Lạp thì là khí Ether, tuy có tinh tế hơn nhưng vẫn cùng trên bình diện khí, như vậy hôn phối cái nổi gì : đúng là đồng tình luyến ái. Vì hầu hết cùng từ số 4 duy địa. Phải trở về Thái Bình Dương mới có phối hợp thực sự, và không còn là hôn phối mà là linh phối vì 5 là phối hợp giữa 2 với 3. Và 1 nằm ngầm trong 3 hay 5 chỉ thị số không không tức là rất khác biệt với có chỉ bằng số 2 hay 4. Và vì có với không giao thoa nên ta mới có ngũ hành chính tông, nó sẽ bao gồm cả mùa, cả phương, cả âm thanh, mùi, vị, đầy đủ như trong bản Nguyệt lệnh. Có thấy những điều đó mới hiểu được tại sao nói Ngũ hành là một lâu đài văn hóa cao cả có thể dùng làm thước đo cuộc tiến hóa nhân loại, và dùng

được làm lược đồ cho phương ngôn «Chí trung hòa».
Vậy mà Veda theo tứ tổ./.

KẾT : HỘI CÁC MẸ CỦA ĐẠO THẤT

Văn minh nay quá nghiêng về lý trí với nguyên lý thống trị, đưa đến những cuộc đấu tranh đẫm máu giữa những xã hội xâu xé tranh dành, nên đang bị khủng hoảng trầm trọng. Cần tìm ra nền văn minh nào khác đặt cơ sở trên tình người, trên yêu thương với nguyên lý thân tộc.

Thiết nghĩ gốc rễ nền văn minh ấy có thể tìm được trong văn hóa Thái Bình dương, nơi còn giữ được nhiều ấn tích Mẹ hơn cả (sẽ được trình bày trong quyển Thái Bình Minh triết, một thứ triết thiết thực được diễn bằng châm ngôn, huyền thoại, đồ án, số độ, và đối chiếu kiểu cơ cấu luận với uyên tâm, và sẽ được đưa ra sống thử trong các Đạo Thất. Hậu quả sẽ là những công thể có bầu khí gia tộc, hay là tình huynh đệ phổ biến nhưng không chỉ mộng tưởng mà được thực thi. Phương thức có thể là hệ thống Đạo Thất. Đó sẽ là những nhà của các Mẹ xây nên cho các con Mẹ ở dạng mà học nên người của văn minh mới làm bằng yêu thương chân thật. Đúng ra phải nói cha mẹ, nhưng xin được chỉ chung bằng Mẹ cho hợp kiểu nói của Thái Bình Minh Triết, nơi cũng có xảy ra nạn quá lý trí, rồi Mẹ Nữ Oa phải đội đá sửa lại. Vì câu truyện tóm tắt tinh hoa văn hóa Thái Bình dương, cũng như gợi ý cho việc đi tìm cha mẹ đỡ đầu

cho dự án Đạo Thất, nên được kể lại trong một chương của quyển Thái Bình Minh Triết nhan đề đề con có mẹ, đề mẹ có con. Để dễ hiểu ý của huyền thoại Nữ Oa xin ghi nhận ít điểm sau :

Văn hóa quá lý trí chỉ bằng :

A/ số 1, hình tròn, phía Bắc. Có thể gọi là duy thiên, cột chống trời, hay núi không tròn chỉ cái biết một chiều duy tâm, duy trí hay duy lý.

B/ Số 4, hình vuông, phía Tây, Có thể gọi là núi không tròn chỉ cái biết một chiều duy địa, hay duy vật, cũng là duy ý, duy niệm, như ý hệ.

C/ Luyện đá Ngũ Hành là hòa hợp số 2 đất với số 3 trời thành 5. Hình «mẹ tròn con vuông» chỉ văn minh quân bình gồm cả tinh thần lẫn vật chất.

Tinh thần phải trên vật chất nói bóng là mẹ. Vật chất chỉ là con. Đá Ngũ Hành cũng gọi là cái biết Chu Tri (holistic knowledge) sẽ chỉ huy nền giáo dục thi thố trong Đạo thất gồm cả Ý, Tình, Chí.

- Ngũ Hành được cơ cấu hóa như sau : (hình ngũ hành)

- Thần Cộng công xúc Bất Chu Chi Sơn = chỉ nạn nhân của nền giáo dục một chiều, chỉ biết chúi đầu vào To Have, mà phớt bỏ To Be, hoặc nói bóng bẩy như ngôn ngữ Pháp là «ông Công bóp cổ bà Thông» = Mr.Lefèbre étouffe Madame Le Sage»

- Đội đá vá trời» chỉ lòng quảng đại bao la dám nhận lấy trách nhiệm nâng đỡ việc vá lại trời cũ quá giột chảy xuống toàn máu và nước mắt.

- Nữ Oa thái mẫu = thái có nghĩa như Thái Bình = mệnh mệnh cao cả, nên Thái Mẫu chỉ những Big, very Big Mothers or Supreme Mothers.

- Let us pray :

Hail Mary, you know well that we are shipwrecked and helpless, give us many big angels to be our Big Mothers like You. Amen.

